BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN
VỀ CÔNG TY ĐẠI CHÚNG

(Công văn số ...../UBCK-GSĐC ngày ..../...../..... của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước)

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TDI

Giấy chứng nhận ĐKDN số:	*4102069892 do Sở Kế hoạch & Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp đăng ký lần đầu ngày 03/03/2009, và đăng kí thay đổi lần thứ 18 số 0307717044 do Sở Kế hoạch & Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 24/11/2021*
Địa chỉ:	*D04-L01, Khu A Khu đô thị mới Dương Nội, phường Dương Nội quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam*
Điện thoại:	*024. 6297 0970*
Website:	*www.tdigroup.vn*
Vốn điều lệ đã góp tại ngày 31/12/2021	*30.000.000.000 đồng*

Phụ trách công bố thông tin:

Họ tên: Nguyễn Thế Tôn

Chức vụ: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc - Người đại diện theo pháp luật

Số điện thoại: 024 6297 0970

MỤC LỤC

I. CÁC KHÁI NIỆM 5

II. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA CÔNG TY ĐẠI CHÚNG 6

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển 6

1.1. Thông tin về Công ty: 6

1.2. Quá trình hình thành và phát triển của Công ty: 6

1.3. Quá trình thay đổi vốn điều lệ của Công ty: 8

1.4. Thông tin về cơ cấu cổ đông tại ngày đáp dứng điều kiện là công ty đại chúng bao gồm: 9

2. Cơ cấu tổ chức của Công ty 9

3. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty 10

4. Cơ cấu cổ đông 14

4.1. Cơ cấu cổ đông Công ty 14

4.2. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% vốn cổ phần Công ty 15

4.3. Danh sách cổ đông sáng lập 15

5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của công ty đại chúng, những công ty mà công ty đại chúng đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với công ty đại chúng. 15

5.1. Danh sách công ty mẹ của Công ty 15

5.2. Danh sách công ty con của Công ty 15

5.3. Danh sách công ty liên doanh, liên kết của Công ty 15

6. Hoạt động kinh doanh 15

7. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh Công ty trong giai đoạn từ năm 2020 – 2021.. 24

8. Vị thế của Công ty trong ngành 25

8.1. Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp trong cùng ngành 25

8.2. Triển vọng phát triển của ngành. 26

9. Chính sách đối với người lao động 27

9.1. Số lượng người lao động trong Công ty 27

9.2. Chính sách lương, thưởng và phúc lợi 27

10. Chính sách cổ tức 28

11. Tình hình tài chính 28

11.1. Các chỉ tiêu cơ bản 28

11.2. Các chỉ số tài chính 35

12. Tài sản 36

13. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo 37

14. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Công ty (thông tin về trái phiếu chuyển đổi, cam kết bảo lãnh, cam kết vay, cho vay…). 39

15. Chiến lược, định hướng phát triển sản xuất kinh doanh. 39

16. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty (nếu có). 40

III. QUẢN TRỊ CÔNG TY 41
1. Hội đồng quản trị 41
1.1. Chủ tịch Hội đồng quản trị 41
1.2. Thành viên Hội đồng quản trị 42
1.3. Thành viên Hội đồng quản trị 42
1.4. Thành viên Hội đồng quản trị 43
2. Ban Tổng Giám đốc 44
3. Ban Kiểm soát và Kế toán trưởng 46
3.1. Trưởng Ban Kiểm soát 46
3.2. Thành viên Ban Kiểm soát 47
3.3. Thành viên Ban Kiểm soát 48
3.4. Kế toán trưởng 49
4. Kế hoạch tăng cường quản trị Công ty 49
5. Danh sách người nội bộ và người có liên quan: 51
6. Thống kê các giao dịch giữa công ty với người có liên quan theo quy định *(các giao dịch liên quan phát sinh trong năm và kỳ gần nhất)* 57
IV. PHỤ LỤC 58

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng 1. Cơ cấu cổ đông Công ty tại thời điểm 28/03/2022 14
Bảng 2. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% vốn cổ phần Công ty tại ngày 28/03/2022 ... 15
Bảng 3. Kết quả hoạt động kinh doanh Công ty năm 2020–2021 24
Bảng 4. Cơ cấu lao động tại thời điểm 31/03/2022 27
Bảng 5: Các khoản phải nộp theo luật định 29
Bảng 6: Tình hình các khoản vay và nợ thuê tài chính của Công ty giai đoạn năm 2020 – 2021 29
Bảng 7: Hàng tồn kho của Công ty giai đoạn 31/12/2020 – 31/12/2021 34
Bảng 8. Các khoản phải thu giai đoạn 2020 – 2021 35
Bảng 9. Các khoản phải trả giai đoạn 2020 – 2021 35
Bảng 10.Các chỉ tiêu tài chính của công ty giai đoạn 2020-2021 36
Bảng 11. Tình hình tài sản cố định của Công ty tại thời điểm 31/12/2021 36
Bảng 12. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức giai đoạn 2022 37

I. CÁC KHÁI NIỆM

Các từ hoặc cụm từ, chữ cái viết tắt trong Bản Tóm tắt thông tin này có nghĩa như sau:

- Công ty/TDI	:	Công ty Cổ phần Tập đoàn TDI/CTCP Đầu tư xây dựng và Chuyển giao Công nghệ Thành Đoàn
- VietinBank Securities	:	Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam
- TTCK	:	Thị trường chứng khoán
- CTCP	:	Công ty cổ phần
- BCTC	:	Báo cáo tài chính
- HĐQT	:	Hội đồng quản trị
- BKS	:	Ban Kiểm soát
- BGĐ	:	Ban Giám đốc
- UBCKNN	:	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- UBND	:	Ủy ban Nhân dân
- DTT	:	Doanh thu thuần
- CMND/CCCD	:	Chứng minh thư nhân dân/ Căn cước Công dân
- ĐKDN	:	Đăng ký doanh nghiệp
- ĐHĐCĐ	:	Đại hội đồng cổ đông
- TNHH	:	Trách nhiệm hữu hạn
- LN	:	Lợi nhuận
- LNST	:	Lợi nhuận sau thuế
- SXKD	:	Sản xuất kinh doanh
- Luật Doanh nghiệp	:	Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020.

Những từ ngữ, thuật ngữ khác (nếu có) sẽ được hiểu như quy định trong Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020, Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 và các văn bản luật khác có liên quan.

II. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA CÔNG TY ĐẠI CHÚNG

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

1.1. Thông tin về Công ty:

Tên Công ty:	**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TDI**
Tên tiếng anh:	TDI GROUP JOINT STOCK COMPANY
Tên viết tắt:	TẬP ĐOÀN TDI
Trụ sở chính:	D04-L01, Khu A Khu đô thị mới Dương Nội, phường Dương Nội, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại:	024 6297 0970
Website:	https://tdigroup.vn/
Logo:	TDI GROUP
Giấy ĐKDN:	Số 4102069892 do Sở Kế hoạch & Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp đăng ký lần đầu ngày 03/03/2009, và đăng ký thay đổi lần thứ 18 số 0307717044 do Sở Kế hoạch & Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 24/11/2021
Đại diện theo pháp luật:	Ông Nguyễn Thế Tôn – Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
Vốn điều lệ đăng ký:	30.000.000.000 *(Bằng chữ: Ba mươi tỷ đồng)*
Vốn điều lệ thực góp:	30.000.000.000 *(Bằng chữ: Ba mươi tỷ đồng)*
Ngày trở thành công ty đại chúng	Ngày 21/10/2019 (theo Văn bản số 6348/UBCK-GSĐC ngày 21/10/2019 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc đăng ký công ty đại chúng của Công ty).
Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty:	Xây dựng, hoàn thiện công trình xây dựng, lắp đặt hệ thống điện, hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hòa không khí cho các dự án trung tâm thương mại, công trình dân dụng...

1.2. Giới thiệu về chứng khoán đăng ký giao dịch

- Loại chứng khoán: Cổ phiếu phổ thông
- Mệnh giá: 10.000 đồng
- Mã chứng khoán: TDI
- Tổng số lượng chứng khoán ĐKGD: 3.000.000 cổ phiếu

- Số lượng chứng khoán bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của TCĐKGD (nếu có): Không có

- Giới hạn tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài: 49%

1.3. Quá trình hình thành và phát triển của Công ty:

Ngày 03/03/2009, Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Dịch vụ Thành Đoàn chính thức được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4102069892 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp, gồm 03 thành viên góp vốn và với số vốn điều lệ thực góp là 15 tỷ đồng. Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là xây dựng và hoàn thiện nhà, công trình xây dựng; Lắp đặt hệ thống điện, lò sưởi và điều hòa không khí.

Ngày 29/06/2012, Hội đồng thành viên Công ty đã thông qua việc chuyển đổi loại hình doanh nghiệp từ công ty TNHH sang công ty cổ phần theo quy định của Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 ngày 29/11/2005 và các văn bản pháp luật có liên quan. Sau đó, được sự chấp thuận của Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 02/07/2012, Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Dịch vụ Thành Đoàn chính thức được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Lắp đặt Thành Đoàn (Giấy phép kinh doanh số 0307717044 thay đổi lần thứ 5 ngày 02/07/2012) với vốn điều lệ thực góp là 20 tỷ đồng.

Công ty hoạt động trong lĩnh vực xây dựng, thiết kế và thi công các công trình dân dụng và công nghiệp. Đây là lĩnh vực cần nguồn năng lực tài chính lớn, năng lực thi công cao cũng như bề dày về kinh nghiệm quản lý. Đối với một doanh nghiệp hoạt động hơn 10 năm kinh nghiệm thì đây không phải là một khoảng thời gian ngắn nhưng cũng chưa dài. Song, vượt trên tất cả những khó khăn và hướng đến mục tiêu để nâng cao năng lực của mình, phấn đấu trở thành doanh nghiệp chuyên nghiệp, tin cậy, đủ tầm và đủ tâm trong ngành. Toàn thể cán bộ công nhân viên của Công ty đã không ngừng nỗ lực, cố gắng, đổi mới sáng tạo đoàn kết một lòng trong quá trình sản xuất kinh doanh.

Nhờ vậy, Công ty đã đạt được những thành tựu nhất định như: doanh thu, lợi nhuận, quy mô của công ty luôn tăng trưởng ở mức ổn định, đời sống cán bộ nhân viên ngày càng được nâng cao, bộ máy quản lý ngày càng được hoàn thiện, năng lực cạnh tranh được nâng cao, uy tín của công ty ngày càng được củng cố, được khách hàng trong và ngoài nước biết đến. Thành Đoàn đã được các đối tác lớn lựa chọn hợp tác:

- Tập đoàn Vingroup và các công ty con, công ty liên kết của Tập đoàn
- Tập đoàn Nam Cường
- Tập đoàn xây dựng Hòa Bình
- Công ty TNHH công nghệ chính xác Interplex (Hà Nội)
- Công ty TNHH xây dựng SW
- Công ty TNHH tập đoàn xây dựng Delta
- Công ty CP đầu tư thương mại và xuất nhập khẩu Hải An

Ngày 21/10/2019, Công ty Cổ phần Đầu tư và Chuyển giao Công nghệ Thành Đoàn đã được chấp thuận là Công ty đại chúng theo Công văn số 6348/UBCK-GSĐC của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Ngày 20/11/2019: Trung tâm lưu ký Chứng khoán Việt Nam cấp Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 55/2019/GCNCP-VSD với số lượng cổ phiếu đăng ký 3.000.000 cổ phiếu, tổng giá trị cổ phiếu đăng ký là 30 tỷ đồng.

Ngày 02/08/2021, Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2021 của Công ty đã nhất trí đổi tên Công ty thành Công ty Cổ phần Tập đoàn TDI theo nghị quyết số NQ/TDI-HCKT/2021-05 và ngày 01/09/2021 Công ty chính thức đổi tên và được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp đăng ký thay đổi lần thứ 17.

Hiện nay, Công ty Cổ phần Tập đoàn TDI đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4102069892 do Sở Kế hoạch & Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp đăng ký lần đầu ngày 03/03/2009, và đăng ký thay đổi lần thứ 18 số 0307717044 do Sở Kế hoạch & Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 24/11/2021, với vốn điều lệ thực góp là 30 tỷ đồng.

1.4. Quá trình thay đổi vốn điều lệ của Công ty:

Ngày 03/03/2009, Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Dịch vụ Thành Đoàn chính thức được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4102069892 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp, gồm 03 thành viên góp vốn và với số vốn điều lệ thực góp là 15 tỷ đồng. Trải qua 3 năm hoạt động dưới hình thức Công ty TNHH, Công ty chính thức hoạt động theo hình thức Công ty Cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0307717044 đăng ký lần đầu ngày 03/03/2009, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 02/07/2012 với vốn điều lệ là 20 tỷ đồng. Từ khi trở thành công ty cổ phần đến nay, Công ty đã có 1 lần tăng vốn, cụ thể như sau:

TT	Thời gian	Vốn điều lệ (đồng)	Số vốn điều lệ tăng thêm/giảm đi (đồng)	Phương thức tăng/giảm vốn	Cơ sở pháp lý
1	14/09/2017	30.000.000.000	10.000.000.000	Phát hành cổ phần bán cho các cổ đông hiện hữu (tỷ lệ 2:1)	- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 1100/2017/NQ-CT ngày 11/09/2017 về việc phát hành cổ phần tăng Vốn điều lệ Công ty; - Giấy Chứng nhận ĐKKD số 0307717044 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 03/03/2009, thay đổi lần thứ 12 ngày 14/09/2017.

Ghi chú:

(1) Phát hành cổ phiếu tăng Vốn điều lệ:

Thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ số 1100/2017/NQ-CT ngày 11/09/2017, các cổ đông hiện hữu của Công ty đã đồng ý thông qua phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ cho cổ đông hiện hữu với tỷ lệ thực hiện quyền 2:1

Đến tháng 09/2017, Công ty đã kết thúc đợt phát hành với kết quả như sau:

STT	Họ và Tên	Số CMND/Căn cước công dân, ngày cấp, nơi cấp	Số cổ phần sở hữu	Số cổ phần được quyền mua phát hành thêm	Tổng số cổ phần sở hữu sau phát hành	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Nguyễn Thế Tôn	012266891 do CA Hà Nội cấp ngày 26/03/2012	180.000	90.000	270.000	27.000	90,00
2	Phạm Minh Tiến	030089000918 do Cục CS DDKQLCT và DLQG về DC cấp ngày 29/01/2016	10.000	5.000	15.000	1.500	5,00
3	Phạm Đức Văn	141669122 do CA Hải Dương cấp ngày 18/09/2007	10.000	5.000	15.000	1.500	5,00
	TỔNG CỘNG		**200.000**	**100.000**	**300.000**	**30.000**	**100,00**

(Nguồn: TDI)

Mục đích sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành: Mở rộng quy mô sản xuất kinh doanh

1.5. Thông tin về cơ cấu cổ đông tại ngày đáp dứng điều kiện là công ty đại chúng bao gồm:

- Ngày Công ty đáp ứng điều kiện công ty đại chúng: 27/03/2019
- Cơ cấu cổ đông tại ngày Công ty đáp ứng điều kiện là công ty đại chúng bao gồm:
  + Số lượng cổ đông không phải là cổ đông lớn: 106 cổ đông;

Tổng số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết của tất cả các cổ đông không phải là cổ đông lớn: 1.000.000 cổ phiếu (tương ứng tỷ lệ 33,33%).

2. Cơ cấu tổ chức của Công ty

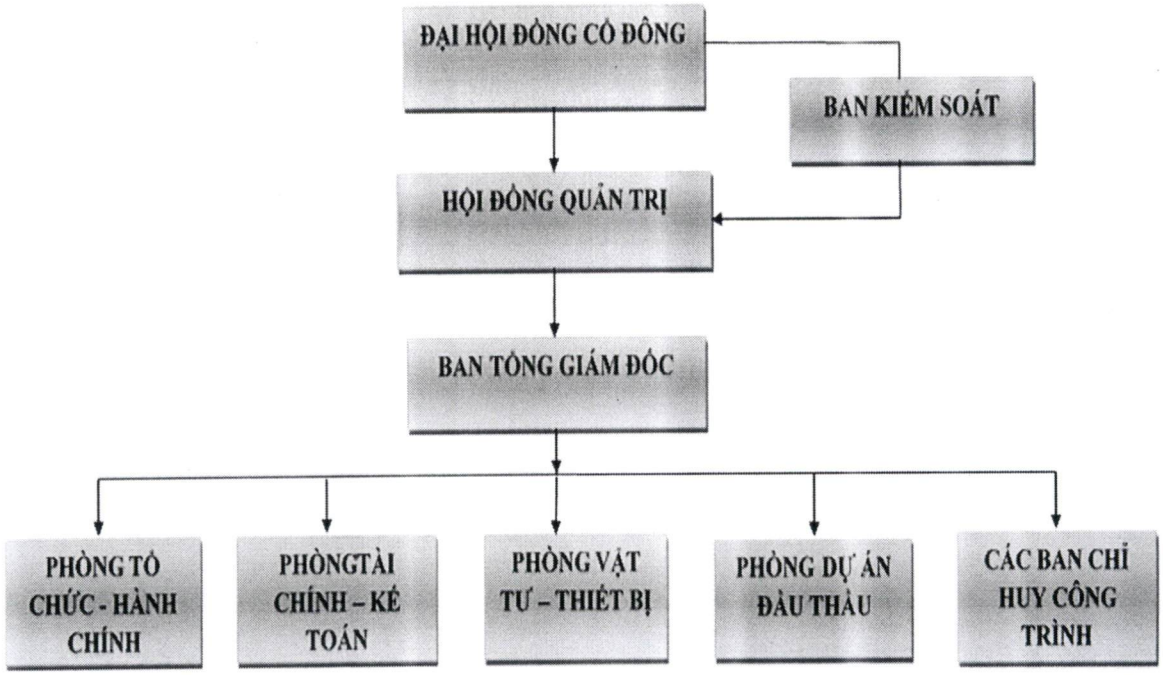

(Nguồn: TDI)

3. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty

Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty bao gồm:

- Đại hội đồng cổ đông
- Hội đồng quản trị
- Ban kiểm soát
- Ban Tổng Giám đốc
- Các phòng ban chức năng

Đại hội đồng cổ đông

ĐHĐCĐ là cơ quan có thẩm quyền cao nhất, quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ và quyền hạn theo luật pháp và Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty. ĐHĐCĐ thường niên họp mỗi năm một lần trong thời hạn bốn tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Theo đề nghị của HĐQT, Cơ quan đăng ký kinh doanh có thể gia hạn thời hạn họp ĐHĐCĐ thường niên, nhưng không quá sáu tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, ĐHĐCĐ có thể họp bất thường theo đề nghị của HĐQT, BKS hoặc theo yêu cầu của các cổ đông. Chức năng và nhiệm vụ của ĐHĐCĐ theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Hội đồng quản trị

HĐQT là cơ quan quản trị của Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định các vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

HĐQT giữ vai trò định hướng chiến lược, kế hoạch hoạt động hàng năm; Chỉ đạo và giám sát hoạt động của Công ty thông qua Ban Tổng Giám đốc và các phòng, ban khác.

Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT không quá năm (05) năm; thành viên HĐQT có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

Nhiệm vụ của Hội đồng quản trị, bao gồm:

- Báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông tình hình kinh doanh, dự kiến phân phối lợi nhuận, chia lãi cổ phần, báo cáo quyết toán năm tài chính, phương hướng phát triển và kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;
- Quyết định cơ cấu tổ chức, bộ máy, quy chế hoạt động của Công ty;
- Bổ nhiệm, bãi nhiệm và giám sát hoạt động của Tổng Giám Đốc;
- Kiến nghị sửa đổi và bổ sung Điều lệ của Công ty;
- Quyết định triệu tập Đại hội đồng cổ đông;
- Các nhiệm vụ khác do Điều lệ Công ty quy định.

Ban Kiểm soát.

Ban Kiểm soát là cơ quan kiểm tra hoạt động tài chính; giám sát về việc chấp hành chế độ hạch toán, hoạt động của hệ thống kiểm tra và kiểm soát nội bộ Công ty. Nhiệm vụ chính là:

- Kiểm soát toàn bộ hệ thống tài chính và việc thực hiện các quy chế của công ty: Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính. Thẩm định báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính theo các định kỳ của công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị lên Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên;
- Xem xét sổ kế toán và các tài liệu khác của Công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty bất cứ khi nào nếu xét thấy cần thiết hoặc theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông;
- Kiểm tra bất thường: Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông, Ban Kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông và nhóm cổ đông có yêu cầu;
- Can thiệp vào hoạt động công ty khi cần: Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng Cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của công ty;
- Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng Cổ đông, Tổng Giám đốc vi phạm nghĩa vụ của người quản lý công ty phải thông báo ngay bằng văn bản với Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc có trách nhiệm quản lý và điều hành mọi hoạt động của Công ty theo đúng pháp luật, các quy định của ngành, điều lệ, quy chế, quy định của Công ty cổ phần.

Tổng Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; Chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; Chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao. Các Phó Tổng Giám đốc là người giúp việc cho Tổng Giám đốc theo phân công và ủy quyền của Tổng Giám đốc.

Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc không quá 05 năm; có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

Nhiệm vụ chính của Ban Tổng Giám đốc, cụ thể:

- Quyết định các vấn đề liên quan đến hoạt động hằng ngày của Công ty;
- Tổ chức thực hiện các quyết định của HĐQT;
- Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;
- Kiến nghị phương án bố trí cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
- Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức các chức danh quản lý trong Công ty, kể cả cán bộ quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Ban Tổng Giám Đốc;
- Bên cạnh, Ban Tổng Giám Đốc là người tham mưu cho Hội đồng quản trị về mặt hoạch định các mục tiêu, chính sách;
- Các nhiệm vụ khác do Điều lệ Công ty quy định.

Các phòng, ban của Công ty

Có nhiệm vụ tham mưu, giúp việc HĐQT và Ban Tổng Giám đốc trong các lĩnh vực liên quan và trực tiếp triển khai thực hiện các nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của Công ty theo kế hoạch đã được ĐHĐCĐ và HĐQT thông qua hoặc phê duyệt.

- ***Phòng Vật tư – Thiết bị:***

Có chức năng đề xuất, theo dõi, quản ký về vật tư – thiết bị, cụ thể:

- Đảm bảo cung ứng vật tư, thiết bị và nhân công theo đúng tiến độ và chất lượng yêu cầu của công trường, kể cả việc cung ứng vật tư mẫu để khách hàng chọn và phê duyệt;
- Theo dõi việc tạm ứng, thanh quyết toán của công trình và kiểm soát chi phí trong quá trình thi công của các hợp đồng;
- Kiểm soát việc sử dụng vật tư trong quá trình thi công;
- Tham mưu cho Tổng Giám Đốc về các vấn đề liên quan đến thương lượng và ký kết Hợp đồng;
- Giải quyết các tranh chấp liên quan đến hợp đồng với khách hàng.

- ***Phòng Tài chính – Kế toán:***

Có chức năng đề xuất với Ban Tổng Giám đốc về công tác quản lý tài chính, kế toán,

thống kê trong Công ty; đồng thời tiến hành lập, lưu trữ, kiểm tra, kiểm soát toàn bộ các hoạt động có liên quan đến lĩnh vực Tài chính - Kế toán theo quy định của pháp luật hiện hành, cụ thể:

- Tham mưu cho Tổng Giám Đốc và HĐQT thực hiện chức năng quản lý tài chính, tổ chức thực hiện các chỉ tiêu về tài chính – kế toán, tổ chức phổ biến và hướng dẫn các đơn vị trực thuộc thi hành kịp thời các qui định về tài chính – kế toán của Nhà nước và cấp trên. Quan hệ với ngân hàng, cơ quan thuế và các cơ quan hữu quan để thực hiện công tác tài chính – kế toán theo qui định của pháp luật;
- Quản lý tài sản, tiền vốn, hàng hóa, kinh phí và các quỹ, tổng kết thu – chi tài chính, báo cáo quyết toán, kiểm tra thường xuyên hoạt động kế toán của các bộ phận, nắm bắt tình hình kinh doanh của Công ty từ đó lập kế hoạch tài chính và cung cấp thông tin cho các bộ phận trong và ngoài Công ty;
- Tổ chức thanh toán mua bán hàng hóa nhanh chóng và thu hồi công nợ, tăng nhanh vòng quay vốn, tránh tình trạng vốn bị chiếm dụng ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Tổ chức bảo quản, lưu trữ các tài liệu kế toán, bảo mật các số liệu;
- Chịu trách nhiệm chung về hiệu suất làm việc của Phòng và liên đới chịu trách nhiệm trước pháp luật về hệ thống tài chính – kế toán tại Công ty.

- ***Phòng Dự án Đấu thầu:***

Có chức năng tham gia tham mưu cho Ban lãnh đạo Công ty trong việc hoạch định các kế hoạch kinh doanh, đầu tư, và thực hiện các dự án hạ tầng, cụ thể:

- Thực hiện phân tích và đề xuất tính khả thi của các dự án; tham gia các hoạt động quản lý kinh doanh của các dự án do Công ty đầu tư;
- Tổ chức thực hiện, giám sát kỹ thuật trong quá trình triển khai các dự án, các chương trình, hoạt động kinh doanh theo kế hoạch Công ty đúng các quy định về quản lý đầu tư xây dựng cơ bản của Nhà nước hiện hành;
- Xem xét các yêu cầu của khách hàng về thiết lập hồ sơ dự thầu, xem xét các điều kiện ký kết hợp đồng và thực hiện việc lập hồ sơ dự thầu theo yêu cầu của khách hàng;
- Phối hợp với Chỉ huy Trưởng Công Trình để giải quyết các vấn đề kỹ thuật có liên quan đến hợp đồng trong quá trình thi công. Tìm hiểu và phổ biến thông tin về vật liệu mới, kỹ thuật và công nghệ mới cho các Chỉ huy Trưởng công trình, bộ phận vật tư, các bộ phận liên quan khác;
- Quản lý và giám sát trực tiếp mọi hoạt động và chịu trách nhiệm chung về hiệu suất công việc của phòng. Chủ trì các cuộc họp định kỳ để tổng kết và điều chỉnh các hoạt động của phòng.

- ***Phòng Tổ chức – Hành chính:***

Là một bộ phận nghiệp vụ của Công ty, có chức năng đề xuất, giúp việc cho Ban lãnh đạo và hướng dẫn, tổ chức thực hiện, kiểm tra các công tác quản lý nhân sự; bảo hộ lao động, an toàn - vệ sinh lao động, an ninh trật tự và phòng cháy chữa cháy, quản trị hành chính – văn phòng.

- Xác định và xây dựng các tiêu chuẩn chức danh trong Công ty. Xây dựng nội quy, thể chế, chế độ công tác của các bộ phận trong Công ty.
- Xây dựng các định mức lao động, nghiên cứu chế độ tiền lương, tiền thưởng, bồi dưỡng độc hại, lập kế hoạch nâng lương, tiền thưởng cho Công ty.
- Nghiên cứu nhu cầu công tác và khả năng cán bộ để có kế hoạch đào tạo bồi dưỡng nghiệp vụ.
- Lập kế hoạch duy tu, bảo trì, bảo dưỡng, kiểm tra, sửa chữa định kỳ cũng như dự trù kinh phí để bảo trì, bảo dưỡng, kiểm tra, sửa chữa và mua sắm các loại phương tiện, thiết bị dụng cụ và tài sản cố định thuộc khối văn phòng, quản lý và điều hành xe ôtô.
- Quản lý nhân sự như lập hồ sơ theo hợp đồng lao động, xây dựng quy chế tuyển dụng, thực hiện chế độ BHXH, BHYT, chế độ phép, thôi việc, kỷ luật…hồ sơ lý lịch và giấy tờ văn thư. Tổ chức thực hiện công tác lễ tân, tổ chức hội nghị, liên hoan...
- Hỗ trợ đại diện lãnh đạo trong việc kiểm soát, duy tu và cải tiến hệ thống chất lượng.

- ***Các ban Chỉ huy Công trình:***

- Thay mặt Ban Tổng Giám đốc quản lý và giám sát trực tiếp các Công trình được giao và chịu trách nhiệm trực tiếp với Ban Tổng Giám đốc về mọi mặt của Công trình.
- Chuẩn bị kế hoạch thi công cho các Công trình được giao, gồm cả việc quyết định cơ cấu tổ chức ban chỉ huy công trường.
- Quản lý, điều phối và kiểm tra các hoạt động hằng ngày tại Công trường.
- Theo dõi tiến triển của Công trình và xác nhận khối lượng các hạng mục thi công theo định kỳ, báo cáo cho Ban lãnh đạo. Thực hiện các hành động khắc phục, phòng ngừa và cải tiến khi cần thiết.
- Thay mặt Ban lãnh đạo trao đổi thông tin với khách hàng, kể cả xử lý các ý kiến phàn nàn hay tranh chấp của khách hàng.

4. Cơ cấu cổ đông

4.1. Cơ cấu cổ đông Công ty

Bảng 1. Cơ cấu cổ đông Công ty tại thời điểm 09/06/2022

STT	Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ %/VĐL
I	**Cổ đông trong nước, nước ngoài**			

STT	Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ %/VĐL
1	**Trong nước**	**107**	**3.000.000**	**100,00%**
-	Nhà nước	0	0	0
-	Tổ chức	0	0	0
-	Cá nhân	107	3.000.000	**100**
2	**Trong nước**	**0**	**0**	**0**
-	Tổ chức nước ngoài, Tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ trên 50% vốn điều lệ	0	0	0
-	Cá nhân	0	0	0
	Tổng cộng	**107**	**3.000.000**	**100,00%**
II	**Cổ đông lớn, cổ đông khác**			
	Cổ đông lớn	1	2.000.000	66,67%
	Cổ đông khác	106	1.000.000	33,33%
	Tổng Cộng	**107**	**3.000.000**	**100.00%**

(Nguồn: Danh sách chốt cổ đông ngày 09/06/2022 do VSD cấp)

4.2. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% vốn cổ phần Công ty

Bảng 2. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% vốn cổ phần Công ty tại ngày 09/06/2022

TT	Họ và tên	Số CMND/ CCCD/ ĐKDN	Địa chỉ	Số lượng cổ phần (cổ phần)	TL % /VĐL
1	Nguyễn Thế Tôn	012266891	Tập thể XD34, Tân Triều, Thanh Trì, Hà Nội	2.000.000	66,67%
	Tổng cộng			**2.000.000**	**66,67%**

(Nguồn: Danh sách chốt cổ đông ngày 09/06/2022 do VSD cấp)

4.3. Danh sách cổ đông sáng lập

Không có.

5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của công ty đại chúng, những công ty mà công ty đại chúng đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với công ty đại chúng.

5.1. Danh sách công ty mẹ của Công ty

Không có.

5.2. Danh sách công ty con của Công ty

Không có.

5.3. Danh sách công ty liên doanh, liên kết của Công ty

Không có.

6. Hoạt động kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp và thi công và lắp đặt hệ thống cơ điện các tòa nhà.

Hoạt động chính của Công ty trong lĩnh vực **cung cấp dịch vụ và lắp đặt hệ thống**

cơ điện (M&E) cho khu công nghiệp, nhà xưởng, tòa nhà văn phòng…

Đây là ngành kinh doanh chủ đạo và đem lại nguồn doanh thu chính cho Công ty. Với trên 10 năm hình thành và phát triển, Công ty đã trở thành một thương hiệu mạnh, có uy tín trong lĩnh vực thi công lắp đặt hệ thống cơ điện.

Công ty luôn xác định phương châm uy tín hàng đầu, nắm bắt công nghệ, nhân lực cốt lõi, dịch vụ chuyên nghiệp, không ngừng nỗ lực cũng như tính an toàn và sự hài lòng của khách hàng là động lực cho Công ty phát triển, trên đường theo đuổi mục tiêu trở thành nhà thầu cơ điện uy tín hàng đầu trong lĩnh vực tư vấn thiết kế, thi công và lắp đặt hệ thống cơ điện trên toàn quốc. Để biến mục tiêu thành hiện thực công ty chúng tôi đã và đang nỗ lực mỗi ngày, tìm kiếm nguồn nhân lực hoàn thiện với đội ngũ kỹ sư, công nhân cơ điện lành nghề, chuyên môn cao, tác phong chuyên nghiệp, đáp ứng chiến lượt phát triển của công ty trong giai đoạn sắp tới, cũng như phù hợp với xu hướng của ngành nghề, trên chặn đường đi riêng của mình. Công ty đã ghi dấu ấn thương hiệu bằng việc uy tín, chất lượng và tự khẳng định được năng lực của mình thông qua các công trình, các dự án đã quy mô tham gia nhận được sự tán thưởng cao của khách hàng và đối tác. Chúng tôi cam kết hoàn thiện mọi công trình theo đúng thời gian đã cam kết, áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào quá trình thi công, đảm bảo cho khách hàng hệ thống mạng lưới điện an toàn, khoa học, tiết kiệm và hiệu quả.

- **Hệ thống điện nguồn động lực**: trạm biến áp, máy phát điện dự phòng, nguồn liên tục (UPS), tụ bù công suất phản kháng, thanh dẫn hạ áp (Busway) cho cao ốc, nhà xưởng,

khu dân cư,... Lưới điện trung hạ thế có điện áp đến 35kV cho các cao ốc, nhà xưởng, khu dân cư,... Hệ thống chiếu sáng cao ốc, nhà xưởng, khu dân cư,...

HỆ THỐNG ĐIỆN ĐỘNG LỰC
ELECTRICAL SYSTEM

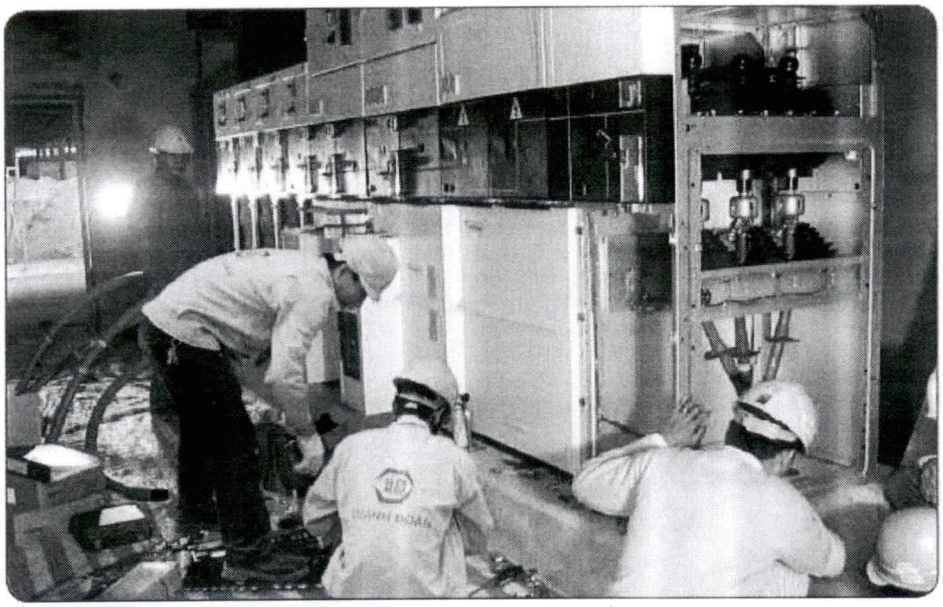

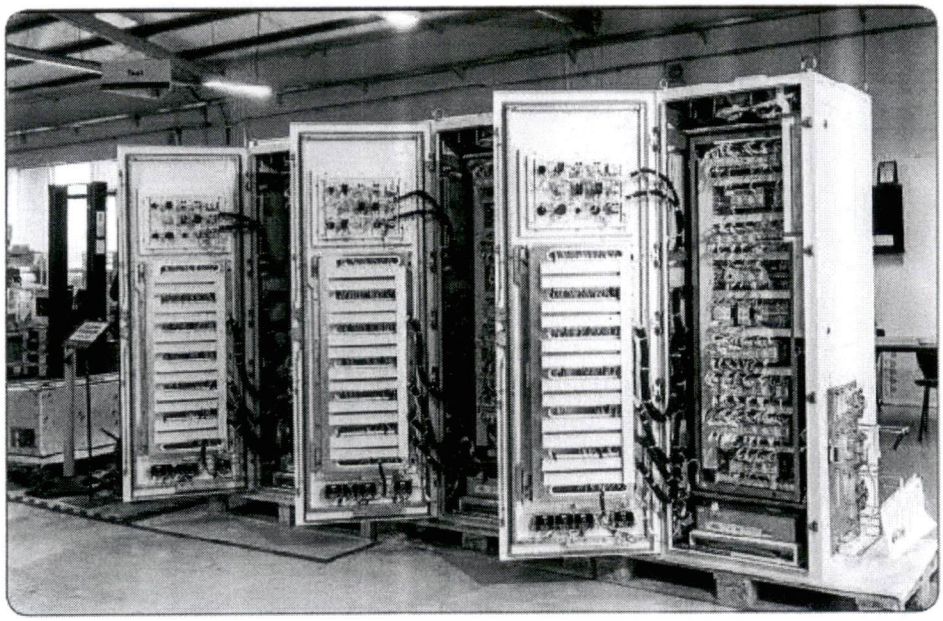

- **Hệ thống cấp thoát nước:** đóng vai trò cấp dẫn nước cho cả dự án; thoát nước mưa, nước thải sinh hoạt, thông gió cho cho đường ống dẫn và các thiết bị hệ thống. Đồng thời hỗ trợ hệ thống phòng cháy và chữa cháy bằng hệ thống đường ốc dẫn nước và bơm trong trường hợp có sự cố cháy - nổ.

HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC
WATER SUPPLY SYSTEM

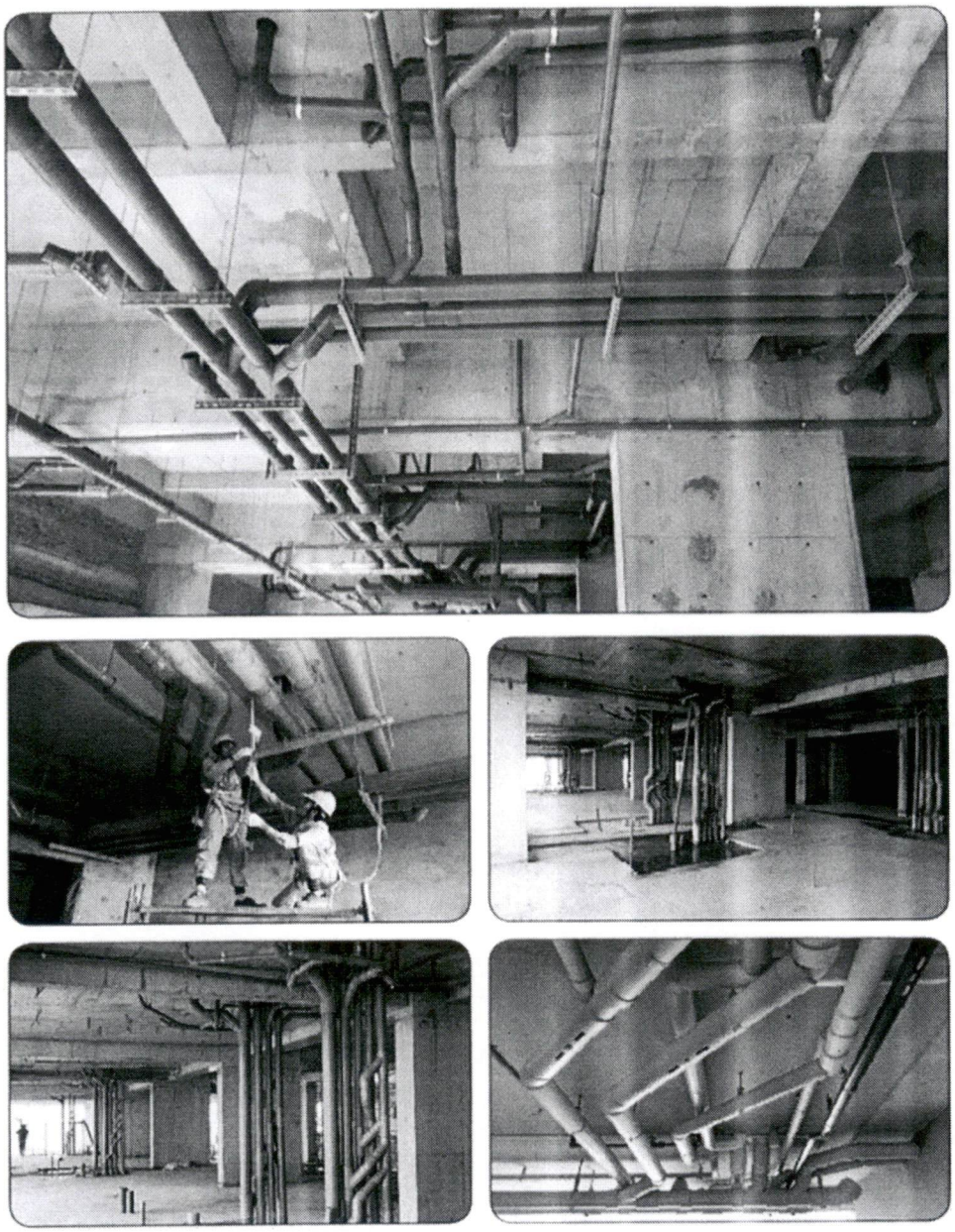

❖ **Hệ thống điều hòa không khí và thông gió (HVAC) cục bộ và trung tâm**: là hệ thống chính của các dự án dân cư, giúp quản lý chất lượng không khí, nhiệt độ bên trong tòa nhà, tạo ra sự tiện nghi, thoải mái cho con người sinh sống, làm việc bên trong tòa nhà.

HỆ THỐNG ĐIỀU HÒA THÔNG GIÓ (HVAC)
HEATING, VENTILATION AND AIR CONDITIONING (HVAC)

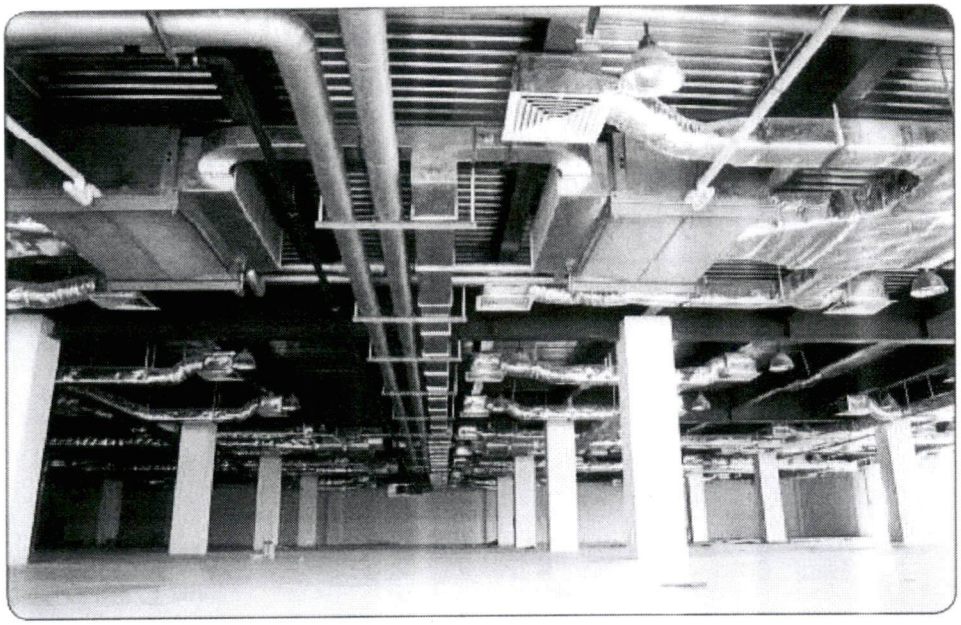

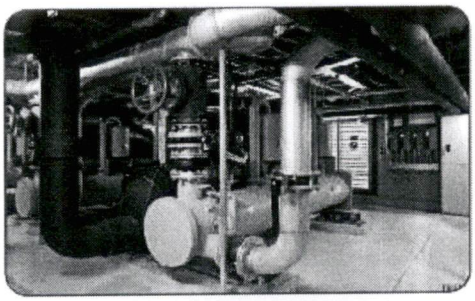

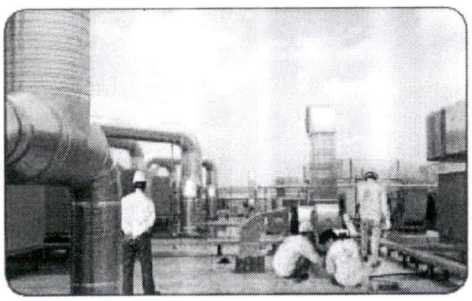

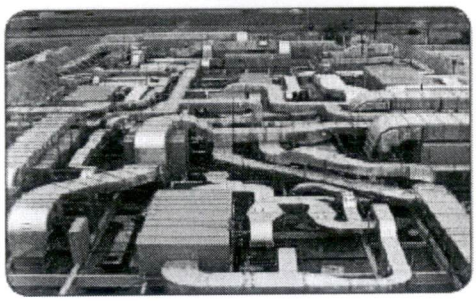

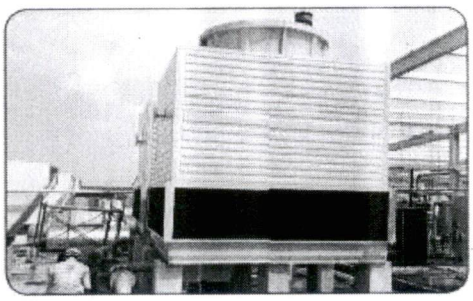

❖ **Hệ thống phòng cháy và chữa cháy:** giúp phát hiện và cảnh báo sự cố cháy, nổ bằng các cảm biến và loa báo động; đồng thời kích hoạt hệ thống xử lý sự cố cháy - nổ thông qua hệ thống đường ống dẫn nước, bơm, bình cứu hỏa.

HỆ THỐNG PHÒNG CHÁY CHỮA CHÁY
FIRE FIGHTING AND PREVENTION SYSTEM

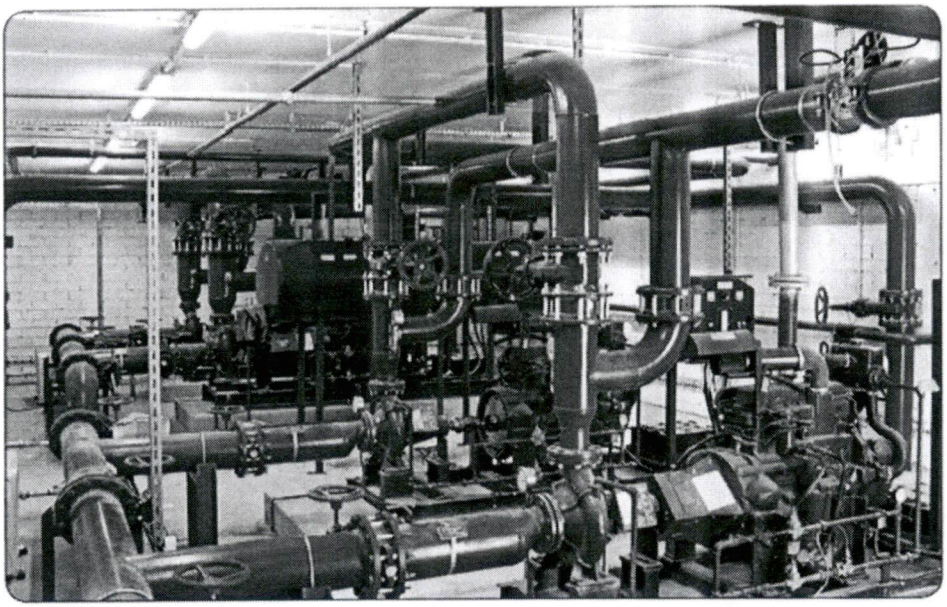

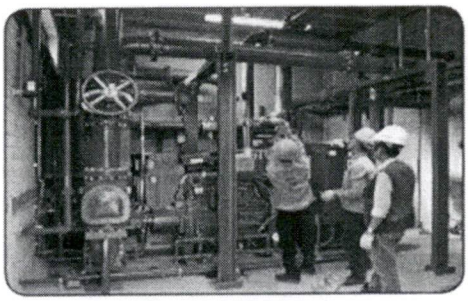

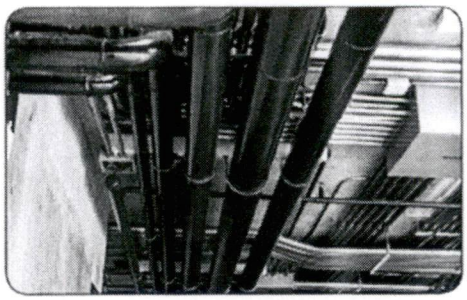

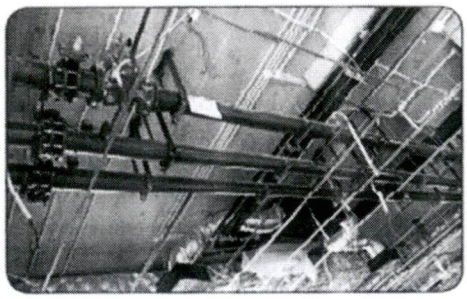

➢ **Chi tiết một số dự án Công ty đã và đang được triển khai**

Dự án đã hoàn thành:

❖ **Dự án: Trung tâm thương mại Vincom Dĩ An- Bình Dương.**

- Tên dự án: Trung tâm thương mại Vincom Dĩ An- Bình Dương
- Địa chỉ: Thị xã Dĩ An, Bình Dương
- Chủ đầu tư: Công ty cổ phần Vincom Retail
- Hạng mục xây dựng: Thi công hệ thống M&E
- Giá trị quyết toán: 29,6 tỷ đồng

- Tiến độ thi công: Đã hoàn thành trong tháng 12/2019.
- Hình ảnh dự án:

❖ **Dự án: Trung tâm thương mại Vincom Dĩ An – Bình Dương**

- Tên dự án: Trung tâm thương mại Vincom Dĩ An – Bình Dương
- Địa chỉ: Thị xã Dĩ An, Bình Dương
- Chủ đầu tư: Chi nhánh Bình Dương – Công ty CP dịch vụ thương mại tổng hợp Vincommerce
- Hạng mục xây dựng: Thi công hệ thống M&E gian hàng Vinmart
- Giá trị quyết toán 3,5 tỷ đồng
- Tiến độ thi công: Đã hoàn thành trong tháng 12/2019
- Hình ảnh dự án:

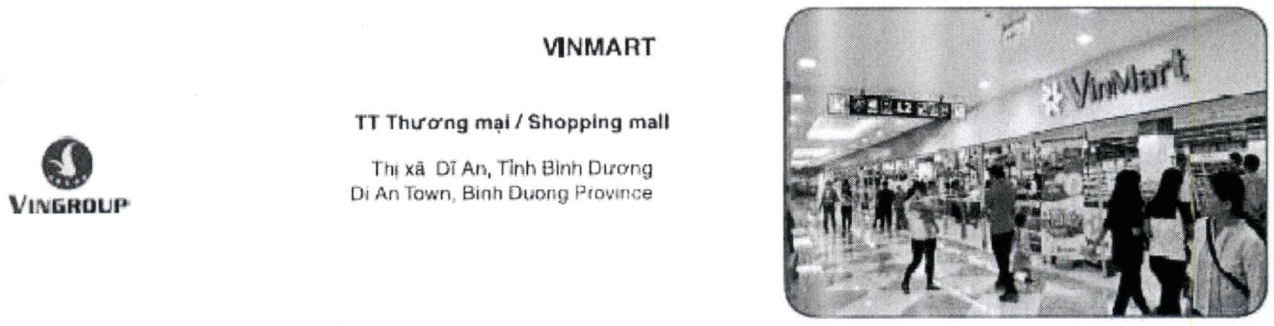

❖ **Dự án: Trung tâm thương mại Vincom Dĩ An – Bình Dương**

- Tên dự án: Trung tâm thương mại Vincom Dĩ An – Bình Dương
- Địa chỉ: Thị xã Dĩ An, Bình Dương
- Chủ đầu tư: Công ty cổ phần kinh doanh và thương mại dịch vụ Vinpro
- Hạng mục xây dựng: Thi công hệ thống M&E Vinpro
- Giá trị nghiệm thu: 0,5 tỷ đồng
- Tiến độ thi công: Đã hoàn thành trong tháng 12/2019

- Hình ảnh dự án:

❖ **Dự án: Vincity Ocean Park**

- Tên dự án: Vincity Ocean Park
- Địa chỉ: Gia Lâm, Hà Nội
- Chủ đầu tư: Công ty TNHH đầu tư và phát triển đô thị Gia Lâm
- Hạng mục xây dựng: Thi công hệ thống M&E hầm CT01 (Điện, nước, ĐHKK, PCCC)
- Giá trị hợp đồng: 19,9 tỷ đồng
- Tiến độ thi công: Dự án đã hoàn thành
- Hình ảnh dự án:

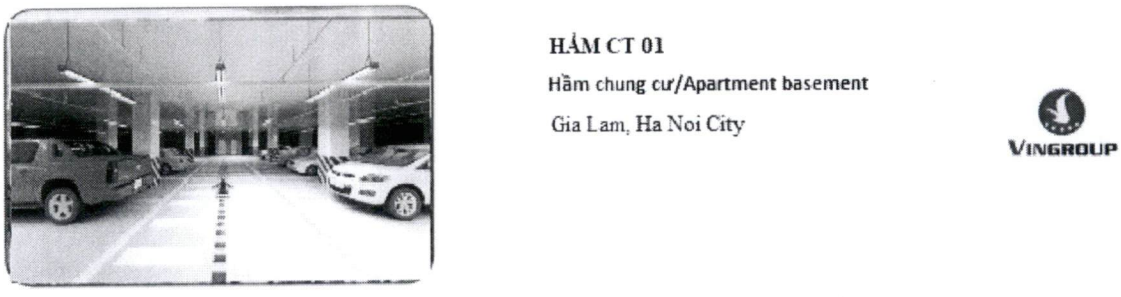

❖ **Dự án: Vincity Ocean Park**

- Tên dự án: Vincity Ocean Park
- Địa chỉ: Gia Lâm, Hà Nội
- Chủ đầu tư: Công ty TNHH đầu tư và phát triển đô thị Gia Lâm
- Hạng mục xây dựng: Thi công hệ thống cơ điện (hệ thống M&E) tòa nhà P3
- Giá trị hợp đồng: 51,9 tỷ đồng
- Tiến độ thi công: Dự án đã quyết toán xong Tháng 3/2022
- Hình ảnh dự án:

VINCITY OCEAN PARK

Căn hộ cao cấp / Luxyry apartment

Gia Lam, Ha Noi City

VINGROUP

❖ **Dự án: Vinhomes Grand Park**

- Tên dự án: Vinhomes Grand Park
- Địa chỉ: Quận 9, thành phố Hồ Chí Minh
- Chủ đầu tư: Công ty cổ phần phát triển thành phố xanh
- Hạng mục xây dựng: Thi công hệ thống M&E tòa nhà L2 thuộc dự án Vinhomes Grand Park
- Giá trị hợp đồng: 55,1 tỷ đồng
- Tiến độ thi công: Dự án đã quyết toán xong trong năm 2021
- Hình ảnh dự án:

VINHOMES GRAND PARK

Căn hộ cao cấp / Luxyry apartment

Quận 9, Tp. Hồ Chí Minh
9 District, Ho Chi Minh city

VINGROUP

Dự án đang được triển khai:

❖ **Dự án: Khách sạn Euphoria (Hilton Garden inn Da Nang)**

- Tên dự án: Khách sạn Euphoria (Hilton Garden inn Da Nang)
- Địa chỉ: Lô 01, Khu An cư 5, phường Mân Thái, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng
- Chủ đầu tư: Công ty cổ phần đầu tư thương mại và xuất nhập khẩu Hải An
- Hạng mục xây dựng: Cung cấp, Thi công và lắp đặt hoàn thiện hệ thống Cơ – Điện – Lạnh (M&E)
- Giá trị hợp đồng: 51,1 tỷ đồng
- Tiến độ thi công: Đang hoàn thiện công trình, lắp đặt thiết bị chủ đầu tư cấp. Dự kiến quyết toán trong tháng 12/2022
- Hình ảnh dự án:

HILTON GARDEN INN

Khách sạn / Hotel

Phường Mân Thái, Quận Sơn Trà, TP Đà Nẵng
Man Thai Ward, Son Tra District, Da Nang City

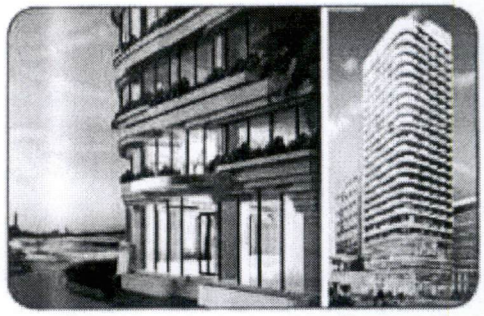

❖ **Dự án: Xí nghiệp chế biến nông sản thực phẩm Intimex Quang Minh**

- Tên dự án: Xí nghiệp chế biến nông sản thực phẩm Intimex Quang Minh
- Địa chỉ: Lô 8, khu công nghiệp Quang Minh, Mê Linh, Hà Nội
- Chủ đầu tư: Công ty cổ phần Intimex Quang Minh
- Hạng mục xây dựng: Thi công hệ thống cơ điện và Phòng cháy chữa cháy (Không bao gồm hệ thống điều hòa không khí của kho) cho kho hàng số 2
- Giá trị hợp đồng: 33,5 tỷ đồng
- Tiến độ thi công: Thi công lắp đặt hệ điều hòa, thang máng cáp. Dự kiến quyết toán tháng 12/2022
- Hình ảnh dự án:

INTIMEX QUANG MINH

Xí nghiệp chế biến nông sản/ Agricultural processing
KCN Quang Minh, Mê Linh, Hà Nội
Quang Minh industrial zone, Me Linh district, Ha Noi city

7. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh Công ty trong giai đoạn từ năm 2020 – 2021.

Bảng 3. Kết quả hoạt động kinh doanh Công ty năm 2020–2021

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	% tăng giảm
1	Tổng giá trị tài sản	128.658	216.780	68,49%
2	Vốn chủ sở hữu	34.966	35.523	1,59%
3	Doanh thu thuần	205.260	202.051	(1,56%)
4	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	2.190	913	(58,31%)
5	Lợi nhuận khác	(1.784)	(298)	-

STT	Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	% tăng giảm
6	Lợi nhuận trước thuế	406	615	51,48%
7	Lợi nhuận sau thuế	259	479	84,94%
8	Giá trị sổ sách	11.655	11.841	1,59%

(Nguồn: BCTC đã được kiểm toán năm 2020, 2021 của Công ty)

Bước sang năm 2021, dù tình hình dịch bệnh Covid-19 tiếp tục diễn biến phức tạp, tuy nhiên, Công ty đã không khừng phấn đấu, nỗ lực để từng bước cải thiện, nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh. Cụ thể, hết năm 2021, Công ty ghi nhận Tổng tài sản tăng mạnh 68,49% so với cùng kỳ năm 2020. Nguyên nhân chủ yếu là do chỉ tiêu Hàng tồn kho tăng mạnh so với năm 2020. Cụ thể, Nguyên liệu, vật liệu tại thời điểm 31/12/2021 Công ty ghi nhận là 7.276 triệu đồng, tăng 761,070% so với cùng kỳ năm 2020. Ngoài ra, Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cũng tăng mạnh 95,93% so với cùng kỳ năm 2020, đạt 105.691 triệu đồng. Năm 2021, mặc dù chỉ tiêu Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh đặt ra là 913 triệu đồng, giảm 58,31% so với cùng kỳ năm 2020, tuy nhiên, Công ty đã đẩy mạnh những khoản Thu nhập khác cũng như quản lý tốt Chi phí khác nên đã cải thiện được Lợi nhuận sau thuế so với năm 2020. Cụ thể, năm 2021, Công ty ghi nhận một số khoản thu nhập đột biến như Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định đạt 107 triệu đồng, Tiền phạt thu được gần 234 triệu đồng, tăng gần 516% so với cùng kỳ năm 2020. Cụ thể, đây là các khoản phạt do thi công kém chất lượng và khấu trừ vệ sinh của các đơn vị thầu phụ. Bên cạnh đó, Công ty đã giảm đáng kể các khoản chi phí khác như Các khoản bị phạt vi phạm hợp đồng giảm 70% so với cùng kỳ năm 2020 và Các khoản thuế bị truy thu và phạt vi phạm lĩnh vực thuế giảm 100% so với cùng kỳ năm 2020. Theo đó, Lợi nhuận trước thuế và Lợi nhuận sau thuế của Công ty lần lượt đạt 615 triệu đồng và 479 triệu đồng, tăng lần lượt 51,48% và 84,94% so với cùng kỳ năm 2020. Nguyên nhân chủ yếu là do:

- Năm 2021, trong bối cảnh nền kinh tế gặp nhiều khó khăn do ảnh hưởng của đại dịch covid-19, Ngân hàng nhà nước Việt Nam đã điều hành lãi suất phù hợp, tạo điều kiện để cho các tổ chức tín dụng tiếp tục giảm lãi suất cho vay, hỗ trợ nền kinh tế phục hồi, hỗ trợ doanh nghiệp giảm chi phí tài chính cải thiện được hoạt động kinh doanh.
- Dịch bệnh bào mòn sức lực của nhiều doanh nghiệp, nhiều doanh nghiệp không đủ lực đã phải tạm dừng hoạt động kinh doanh hoặc giải thể. Nhưng với các doanh nghiệp đủ lực, đủ tầm như TDI thì lại là điều kiện thuận lợi trong việc cạnh tranh về giá thầu giúp doanh nghiệp tối ưu về lợi nhuận hơn.
- Trải qua năm 2020 nhiều biến động do dịch bệnh bùng phát, TDI cũng như các doanh nghiệp khác đã phải khó khăn trong công tác quản lý, thi công. Bước sang năm 2021, Công ty đã có kinh nghiệm hơn trong công tác phòng chống dịch bệnh, chọn cách sống chung với lũ và thay đổi cách thức quản lý, hoạt động sao cho phù hợp với tình hình thực tế. Chính vì thế mà hoạt động kinh doanh được cải thiện rõ rệt trong năm 2021. Và trong năm 2022, khi nền kinh tế đang dần phục hồi, Công ty đã nắm bắt thời cơ và đang trên đà tăng trưởng, hứa hẹn 1 năm 2022 phát triển và thành công.

8. Vị thế của Công ty trong ngành

8.1. Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp trong cùng ngành

Công ty đã có nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực xây dựng và với sự sáng tạo, năng động, tạo uy tín bằng chất lượng, tiến độ công trình, công ty đã có những bước phát triển không ngừng lớn mạnh trở thành một trong những nhà xây dựng và thi công hàng đầu Việt Nam. Với đội ngũ cán bộ giàu kinh nghiệm và sáng tạo, Công ty luôn đưa ra những phương án xây dựng hiệu quả nhằm tối ưu hóa quá trình thực hiện. Ngoài ra, Công ty luôn chú trọng đầu tư trang thiết bị máy móc hiện đại, áp dụng các biện pháp mới và công nghệ tiên tiến trong xây dựng. Do vậy, các công trình mà Công ty thực hiện luôn đảm bảo chất lượng, tiến độ, an toàn lao động, vệ sinh môi trường để mang lại lợi ích tốt nhất cho khách hàng. Bên cạnh đó, là đối tác lâu năm của các tập đoàn lớn như: Tập đoàn Vingroup và các công ty con, công ty liên kết của Tập đoàn, Tập đoàn Nam Cường, Tập đoàn xây dựng Hòa Bình, Công ty TNHH công nghệ chính xác Interplex (Hà Nội), Công ty TNHH xây dựng SW, Công ty TNHH tập đoàn xây dựng Delta; Công ty CP đầu tư thương mại và xuất nhập khẩu Hải An ,... cũng là một thuận lợi để khẳng định lợi thế của Công ty trong lĩnh vực xây dựng và thi công, lắp đặt.

8.2. Triển vọng phát triển của ngành.

Theo Tổng cục Thống kê, năm 2020, ngành xây dựng tăng 6,76%, giảm đáng kể so với mức tăng trưởng trong giai đoạn 2015-2019, đóng góp 0,5 điểm phần trăm vào tốc độ tăng tổng giá trị tăng thêm của toàn nền kinh tế.

Những khó khăn chủ yếu trong năm 2020 đối với ngành này đến từ những gián đoạn, bất ổn liên quan đến Covid 19. Theo khảo sát doanh nghiệp của Vietnam Report, 66,7% số doanh nghiệp xây dựng và 71,4% số doanh nghiệp vật liệu xây dựng gặp khó khăn do biến động về giá nguyên vật liệu sản xuất. Tiếp theo đó, 58,3% doanh nghiệp xây dựng cũng thừa nhận gặp khó khăn do yếu tố thiên tai, thời tiết. Thêm nữa, những giai đoạn giãn cách xã hội do dịch bệnh cũng ảnh hưởng rất lớn đến lực lượng lao động và tâm lý của người lao động, khiến cho tình hình càng trở nên khó khăn hơn. Ngoài ra, một số vấn đề còn tồn đọng trong giai đoạn trước như số lượng dự án được phê duyệt giảm, thủ tục hành chính, giấy tờ pháp lý hay quá trình triển khai đấu thầu, tình trạng thiếu vốn... cũng gây ra lực cản không nhỏ đối với sự phát triển của doanh nghiệp.

Mặc dù đối mặt với thách thức, ngành xây dựng và vật liệu xây dựng vẫn kỳ vọng sẽ bứt phá và hồi phục trong thời gian tới. Khảo sát của Vietnam Report cho thấy, 31,6% số doanh nghiệp ngành xây dựng- vật liệu xây dựng tham gia khảo sát cho rằng tình hình kinh doanh sẽ tốt hơn trong 6 tháng đầu năm 2022 và có tới 47,4% số doanh nghiệp dự báo sẽ tăng trưởng trong 12 tháng tới. Đáng chú ý, khoảng 15,8% số doanh nghiệp cho rằng sẽ có bùng nổ ở một vài phân khúc và thị trường khu vực nhất định trong 6 tháng tới. Thị trường xây dựng Việt Nam đạt giá trị 57,52 tỷ USD vào năm 2020 và thị trường này dự kiến đạt 94,93 tỷ USD vào năm 2026 với tốc độ tăng trưởng hơn 8% trong giai đoạn 2021-2026.

Những lý do chính cho sự hồi phục này bao gồm: Thứ nhất, nền kinh tế như chiếc lò xo bị nén lại suốt một năm do dịch bệnh đã sẵn sàng bật tăng trở lại. Thứ hai, các cơ quan quản lý nhà nước đã có những động thái tích cực trong việc giải quyết vướng mắc về thủ tục hành chính gây ra sự chững lại của thị trường trong giai đoạn 2019 - 2020. Thứ ba, tình hình dịch bệnh trên thế giới đã cải thiện rất nhiều với việc vắc-xin được đưa vào sử dụng. Bên cạnh ba yếu tố kể trên, các chuyên gia cũng cho rằng nỗ lực của chính phủ trong việc cải thiện chất lượng cơ sở hạ tầng chung của đất nước sẽ tác động thúc đẩy không nhỏ đến ngành xây dựng và vật liệu xây dựng

Bên cạnh đó, Việt Nam có tốc độ tăng trưởng dân số khá cao so với các nước trong khu vực và trên thế giới với tốc độ tăng trưởng trung bình hàng năm ở mức 1,08%/năm trong vòng 10 năm trở lại đây. Trong cơ cấu dân số Việt Nam, tỷ trọng dân số trẻ trong độ tuổi lao động luôn chiếm trên 50% và có xu hướng tăng dần trong những năm gần đây. Tăng trưởng dân số, đặc biệt là dân số trẻ trong độ tuổi lao động là nhân tố làm tăng mọi nhu cầu của xã hội, trong đó có Bất động sản nhà ở.

Sự phát triển của thị trường bất động sản là cơ hội thuận lợi để Công ty tiếp tục phát triển ngành kinh doanh vật liệu xây dựng, lắp đặt hệ thống M&E thông qua việc cung cấp các sản phẩm này đến các chủ đầu tư dự án trên địa bàn thành phố và cả nước.

9. Chính sách đối với người lao động

9.1. Số lượng người lao động trong Công ty

Tổng số người lao động trong Công ty đến ngày 30/09/2022 là: 99 người. Cụ thể như sau:

Bảng 4. Cơ cấu lao động tại thời điểm 30/09/2022

TT	Cơ cấu lao động	Số người lao động	Tỷ lệ (%)
-	Trên đại học	1	1,1
-	Đại học	72	72,7
-	Trung cấp, cao đẳng	21	21,2
-	Khác	5	5,0
	TỔNG CỘNG	**99**	**100**
	Trong đó:		
-	Hợp đồng có xác định thời hạn	0	0
-	Hợp đồng không xác định thời hạn	99	100
-	Hợp đồng dịch vụ	0	0

(Nguồn: TDI)

9.2. Chính sách lương, thưởng và phúc lợi

Mức tiền lương, tiền thưởng, phụ cấp, hỗ trợ sẽ theo kết quả sản xuất kinh doanh chung của Công ty và mức độ đóng góp của người lao động theo nguyên tắc làm nhiều hưởng nhiều, làm ít hưởng ít, làm công việc gì, chức vụ gì hưởng lương theo công việc đó, chức vụ đó. Khi thay đổi công việc, thay đổi chức vụ thì hưởng lương theo công việc mới, chức vụ mới.

Khi kết quả sản xuất kinh doanh tăng lên thì tiền lương, thưởng, phụ cấp của người lao động tăng theo hiệu quả thực tế phù hợp với Quỹ tiền lương thực hiện được ban lãnh đạo phê duyệt.

Khi có những công việc hoặc chức danh đòi hỏi cán bộ, công nhân viên phải đi học để đáp ứng điều kiện làm công việc hoặc chức danh đó, thì học phí đó sẽ do Công ty sẽ chi trả.

Công ty thực hiện chi trả lương cho người lao động theo quy định của Nhà nước và chính sách tiền lương của Công ty. Tiền lương và tiền thưởng trả cho người lao động tại Công ty căn cứ vào hiệu quả kinh doanh, chức danh công việc và chế độ tiền lương do Nhà nước và Công ty quy định nhằm khuyến khích người lao động phát huy tính chủ động, sáng tạo để hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Thu nhập bình quân của CBNV Công ty Giai đoạn 2018 - 2021:

- Năm 2018: 9.900.000 đồng/người/tháng

- Năm 2019: 12.000.000 đồng/người/tháng
- Năm 2020: 12.000.000 đồng/người/tháng
- Năm 2021: 13.000.000 đồng/người/tháng

(Mức thu nhập nói trên bao gồm cả lương, các khoản phụ cấp và thưởng doanh thu. Mức thu nhập này đang ở mức mặt bằng chung so với các Doanh nghiệp cùng ngành cùng địa bàn)

10. Chính sách cổ tức

Năm 2020, 2021 Công ty không thực hiện chia cổ tức do sau khi thực hiện nghĩa vụ thuế và trích lập các quỹ, Công ty tiếp tục sử dụng phần lợi nhuận còn lại để bổ sung vốn hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Trong các năm tiếp theo, căn cứ vào tình hình sản xuất kinh doanh thực tế, Công ty sẽ thực hiện chia cổ tức cho các cổ đông nếu lợi nhuận hàng năm gia tăng.

11. Tình hình tài chính

11.1. Các chỉ tiêu cơ bản

➢ **Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

➢ **Trích khấu hao Tài sản cố định**

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá dốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

Loại tài sản cố định hữu hình	Số năm
Máy móc và thiết bị	05 - 15
Phương tiện vận tải	06 – 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	03 – 10
Quyền sử dụng đất có thời hạn	40
Quyền sử dụng đất lâu dài	Không khấu hao

(Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2021 của Công ty)

➢ **Thanh toán các khoản nợ đến hạn**

Công ty đã thực hiện tốt các nghĩa vụ công nợ cho các nhà cung cấp và đối tác, hiện Công ty không có bất cứ khoản nợ nào quá hạn. Các khoản nợ ngắn hạn, trung hạn và dài hạn đều được Công ty thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong các năm qua.

➢ **Các khoản phải nộp theo luật định**

Công ty luôn nghiêm chỉnh thực hiện các chính sách thuế của Nhà nước cũng như các

chính sách có liên quan đến người lao động. Số liệu nộp ngân sách nhà nước cụ thể các năm như sau:

Bảng 5: Các khoản phải nộp theo luật định

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2020	31/12/2021
1.	Thuế giá trị gia tăng	-	-
2.	Thuế thu nhập doanh nghiệp	4	102
3.	Thuế thu nhập cá nhân	-	0,48
	TỔNG	**4**	**102,48**

(Nguồn: BCTC đã được kiểm toán năm 2020, 2021 của Công ty)

➢ **Trích lập các quỹ theo luật định**

Tính đến thời điểm 31/12/2021, Công ty chưa tiến hành trích lập quỹ.

Trong thời gian tới, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đi vào ổn định, Công ty sẽ trích lập các quỹ theo quy định.

➢ **Tổng dư nợ vay**

Tính đến thời điểm 31/12/2021, tổng giá trị vay và nợ thuê tài chính của Công ty là 91.384 triệu đồng. Trong đó, vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn là 90.140 triệu đồng, vay và nợ thuê tài chính dài hạn là 1.244 triệu đồng.

Bảng 6: Tình hình các khoản vay và nợ thuê tài chính của Công ty giai đoạn năm 2020 – 2021

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	31/12/2020	31/12/2021
I	**Vay ngắn hạn**	**47.923**	**90.140**
1	Vay ngắn hạn	46.748	89.139
-	*Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Hoàn Kiếm (1)*	*20.044*	*20.502*
-	*Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam – Chi nhánh Hà Thành (2)*	*14.443*	*42.672*
-	*Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Thăng Long (4)*	*4.668*	*4.003*
-	*Ngân hàng TMCP Đông Nam Á – Chi nhánh Sở giao dịch (3)*	*5.613*	*21.961*
-	*Vay cá nhân ông Nguyễn Thế Tôn*	*1.980*	-
2	Vay và nợ dài hạn đến hạn trả	1.175	1.001
-	*Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Hoàn Kiếm (5)*	*623*	*752*
-	*Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam –*	*552*	*249*

TT	Chỉ tiêu	31/12/2020	31/12/2021
	Chi nhánh Hà Thành (6)		
II	**Vay dài hạn**	**1.711**	**1.244**
-	*Ngân hàng TMCP Tiên Phong – Chi nhánh Hoàn Kiếm (1)*	*2.085*	*1.996*
-	*Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành (2)*	*801*	*249*
-	*Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng*	*(1.175)*	*(-1.001)*
	Tổng cộng	**49.663**	**91.384**

(Nguồn: BCTC đã được kiểm toán năm 2020, 2021 của Công ty)

Thông tin các khoản vay ngắn hạn:

1. Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 53/2021/HDTD/NHN/03 giữa Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Hoàn Kiếm và Công ty Cổ phần Tập đoàn TDI ngày 01/04/2021 bao gồm các điều khoản chi tiết sau:
   - Hạn mức tín dụng: 100.000.000.000 VND; trong đó hạn mức cho vay: 50.000.000.000 đồng, hạn mức bảo lãnh: 100.000.000.000 đồng;
   - Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh thi công, xây dựng của Khách hàng;
   - Thời hạn cấp hạn mức tín dụng: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng;
   - Thời hạn vay: Quy định cụ thể trong từng khế ước nhận nợ, không quá 06 tháng;
   - Lãi suất cho vay: Được quy định cụ thể tại từng văn bản nhận nợ của khách hàng;
   - Phương thức đảm bảo: Quyền đòi nợ gốc, nợ lãi, tiền phạt, bồi thường thiệt hại phát sinh từ hợp đồng, dự án, các khoản phải thu và các quyền lợi khác;
   - Số dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2021 là 20.502.467.903 đồng.
2. Hợp đồng cấp tín dụng số SGO2017.1065/HĐTD ngày 12/07/2017, Phụ lục số 09 ngày 12/11/2021 giữa Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam – Chi nhánh Hà Thành và Công ty Cổ phần Tập đoàn TDI bao gồm các khoản chi tiết sau:
   - Hạn mức tín dụng: 190.000.000.000 VND; Trong đó hạn mức cho vay là 60.000.000.000 đồng, hạn mức bảo lãnh là 90.000.000.000 đồng;
   - Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh sản xuất;
   - Thời hạn sử dụng hạn mức tín dụng: 12 tháng kể từ ngày ký phụ lục Hợp đồng số 09;
   - Thời hạn vay: Quy định cụ thể trong từng khế ước nhận nợ, không quá 08 tháng;
   - Lãi suất cho vay: Quy định theo từng văn bản nhận nợ hoặc thả nổi có điều chỉnh;
   - Phương thức bảo đảm: hàng hóa, quyền đòi nợ và khoản phải thu cùng toàn bộ quyền

và lợi ích phát sinh từ hợp đồng thế chấp số SGO20171084/HDTC;

- Số dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2021 là 42.672.321.924 đồng.

3. Hợp đồng cấp tín dụng số REF20111200112/HĐHM ngày 27/04/2021 giữa Ngân hàng TMCP Đông Nam Á- Chi nhánh Sở Giao Dịch và Công ty Cổ phần Tập đoàn TDI bao gồm các khoản chi tiết sau:
   - Hạn mức tín dụng: 100.000.000.000 VND; trong đó hạn mức cho vay và bảo lãnh thanh toán tối đa là 50.000.000.000 đồng, hạn mức bảo lãnh khác là 100.000.000.000 đồng;
   - Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phát hành bảo lãnh thanh toán, bảo lãnh dự thầu, bảo lãnh thực hiện hợp đồng, bảo lãnh tạm ứng và bảo lãnh bảo hành phục vụ hoạt động thi công xây lắp của Bên được cấp tín dụng;
   - Thời hạn cấp hạn mức tín dụng: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng;
   - Thời hạn vay: Quy định cụ thể trong từng khế ước nhận nợ, không quá 06 tháng;
   - Lãi suất cho vay: Được xác định tại thời điểm giải ngân/nhận nợ bắt buộc của từng món tiền vay, được ghi trong từng giấy/khế ước nhận nợ;
   - Phương thức bảo đảm: Quyền đòi nợ hình thành từ các hợp đồng kinh tế;
   - Số dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2021 là là 21.961.400.290 đồng.
4. Hợp đồng cấp tín dụng số 22692.21.054.3025371.TD ngày 13/05/2020 giữa Ngân hàng TMCP Quân Đội-Chi nhánh Thăng Long và Công ty Cổ phần Tập đoàn TDI bao gồm các khoản chi tiết sau:
   - Hạn mức tín dụng 1: 15.000.000.000 VND, hạn mức tín dụng 2: 30.000.000.000 đồng
   - Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh thi công, xây dựng của Khách hàng;
   - Thời hạn cấp hạn mức tín dụng: kể từ ngày ký hợp đồng đến ngày 26/04/2022;
   - Thời hạn vay: Quy định cụ thể trong từng khế ước nhận nợ, không quá 09 tháng;
   - Lãi suất cho vay: Quy định theo từng văn bản nhận nợ của khách hàng;
   - Phương thức bảo đảm: Quyền đòi nợ hình thành từ các hợp đồng kinh tế, hợp đồng tiền gửi, quyền sử dụng đất tại Chương Mỹ;
   - Số dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2021 là 4.002.850.082 đồng.

Thông tin các khoản vay dài hạn:

5. Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Hoàn Kiếm bao gồm 8 hợp đồng tín dụng:

a) HĐ cho vay số 135/2019/HDTD/NHN/03 ngày 30/05/2019 với các điều khoản chi tiết sau:
   - Số tiền vay: 439.500.000 đồng;

- Mục đích vay: Thanh toán tiền mua 01 xe Mitsubishi;
- Thời hạn cho vay: 60 tháng;
- Lãi suất cho vay: Lãi suất điều chỉnh;
- Phương thức bảo đảm: Xe ô tô Mitsubishi Triton và các giấy tờ chứng minh quyền sở hữu;
- Số dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2021 là 212.425.000 đồng. Trong đó, khoản vay đến hạn trả trọng vòng 12 tháng là 87.900.000 đồng

b) HĐ cho vay số 135/2019/HDTD/NHN/04 ngày 30/05/2019 với các điều khoản chi tiết sau:
- Số tiền vay: 236.940.000 đồng;
- Mục đích vay: Thanh toán tiền mua xe 01 xe ô tô Vinfast Fadil;
- Thời hạn cho vay: 48 tháng;
- Lãi suất cho vay: Lãi suất điều chỉnh;
- Phương thức bảo đảm: Xe ôtô Vinfast Fadil và các giấy tờ chứng minh quyền sở hữu;
- Số dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2021 là 98.725.000 đồng. Trong đó, khoản vay đến hạn trả trong vòng 12 tháng là 59.235.000 đồng

c) HĐ cho vay số 135/2019/HDTD/NHN/02 ngày 08/04/2019 với các điều khoản chi tiết sau:
- Số tiền vay: 457.000.000 đồng;
- Mục đích vay: Thanh toán tiền mua xe 01 xe ô tô Mazda;
- Thời hạn cho vay: 60 tháng;
- Lãi suất cho vay: Lãi suất điều chỉnh;
- Phương thức bảo đảm: Xe ôtô Mazda và các giấy tờ chứng minh quyền sở hữu;
- Số dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2021 là 205.649.989 đồng. Trong đó, khoản vay đến hạn trả trong vòng 12 tháng là 91.400.004 đồng

d) HĐ cho vay số 135/2019/HDTD/NHN/01 ngày 15/03/2019 với các điều khoản chi tiết sau:
- Số tiền vay: 473.250.000 đồng;
- Mục đích vay: Thanh toán tiền mua xe 01 xe ô tô Chevrolet;
- Thời hạn cho vay: 60 tháng;
- Lãi suất cho vay: Lãi suất điều chỉnh;
- Phương thức bảo đảm: Xe Chevrolet và các giấy tờ chứng minh quyền sở hữu;
- Số dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2021 là 205.075.000 đồng. Trong đó, khoản vay đến hạn trả trong vòng 12 tháng là 94.650.000 đồng

e) HĐ cho vay số 69/2020/HDTD/NHN/02 ngày 04/03/2020 với các điều khoản chi tiết sau:
   - Số tiền vay: 290.430.000 đồng;
   - Mục đích vay: Thanh toán tiền mua xe 01 xe ô tô Vinfast Fadil;
   - Thời hạn cho vay: 48 tháng;
   - Lãi suất cho vay: Lãi suất điều chỉnh;
   - Phương thức bảo đảm: Xe Vinfast Fadil và các giấy tờ chứng minh quyền sở hữu;
   - Số dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2021 là 157.316.250 đồng. Trong đó, khoản vay đến hạn trả trong vòng 12 tháng là 72.607.500 đồng

f) HĐ cho vay số 69/2020/HDTD/NHN/01 ngày 04/03/2020 với các điều khoản chi tiết sau:
   - Số tiền vay: 276.430.000 đồng;
   - Mục đích vay: Thanh toán tiền mua xe 01 xe ô tô Vinfast Fadil;
   - Thời hạn cho vay: 48 tháng;
   - Lãi suất cho vay: Lãi suất điều chỉnh;
   - Phương thức bảo đảm: Xe Vinfast Fadil và các giấy tờ chứng minh quyền sở hữu;
   - Số dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2021 là 149.732.924 đồng. Trong đó, khoản vay đến hạn trả trong vòng 12 tháng là 69.107.500 đồng

g) HĐ thế chấp số 53/2021/HDBD/NHN/01 ngày 01/04/2021 và Khế ước giải ngân và nhận nợ số 53/2021/GNN/NHN/01 ngày 02/04/2021 với các điều khoản chi tiết sau:
   - Số tiền vay: 660.000.000 đồng;
   - Mục đích vay: Thanh toán tiền mua xe 01 xe ô tô Vinfast Lux;
   - Thời hạn cho vay: 48 tháng;
   - Lãi suất cho vay: Lãi suất điều chỉnh;
   - Phương thức bảo đảm: Xe Vinfast và các giấy tờ chứng minh quyền sở hữu;
   - Số dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2021 là 536.250.000 đồng. Trong đó, khoản vay đến hạn trả trong vòng 12 tháng là 165.000.000 đồng

h) HĐ thế chấp tài sản số 394/2021/HDBD/NHN/01 ngày 15/11/2021 và Khế ước giải ngân và nhận nợ số 394/2021/GNN/NHN/01 ngày 15/11/2021 với các điều khoản chi tiết sau:
   - Số tiền vay: 450.000.000 đồng;
   - Mục đích vay: Thanh toán tiền mua xe 01 xe ô tô Toyota Fortuner;
   - Thời hạn cho vay: 48 tháng;
   - Lãi suất cho vay: Lãi suất điều chỉnh;
   - Phương thức bảo đảm: Xe Toyota Fortuner và các giấy tờ chứng minh quyền sở hữu;

- Số dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2021 là 431.250.000 đồng. Trong đó, khoản vay đến hạn trả trong vòng 12 tháng là 112.500.000 đồng

6. Khoản vay dài hạn của Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam- Chi nhánh Hà Thành bao gồm 2 hợp đồng tín dụng:

a) HĐ tín dụng số SGO201912418663/HĐTD ngày 27/02/2019 với các điều khoản chi tiết sau:

- Số tiền vay: 360.000.000 đồng;
- Mục đích vay: Mua xe ô tô phục vụ mục đích đi lại;
- Thời hạn cho vay: 36 tháng;
- Lãi suất cho vay: Lãi suất thả nổi theo quy định tại đề nghị giải ngân kiêm Khế ước nhận nợ được lập tại từng lần rút vốn vay của khách hàng;
- Phương thức bảo đảm: Xe ô tô Ford Ranger, các giấy tờ chứng minh quyền sở hữu;
- Số dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2021 là 20.000.000 đồng. Trong đó, khoản vay đến hạn trả trong vòng 12 tháng là 20.000.000 đồng

b) HĐ tín dụng số SGO201912563100/HĐTD ngày 28/06/2019 với các điều khoản chi tiết sau:

- Số tiền vay: 1.295.305.000 đồng;
- Mục đích vay: Mua máy mócthiết bị phục cụ mục đích sản xuất kinh doanh;
- Thời hạn cho vay: 36 tháng;
- Lãi suất cho vay: Lãi suất thả nổi theo quy định tại đề nghị giải ngân kiêm Khế ước nhận nợ được lập tại từng lần rút vốn vay của khách hàng;
- Phương thức bảo đảm: Dây chuyền sản xuất ống thông gió bao gồm các bộ phận. Và các tài sản bảo đảm khác được các bên thỏa thuận sử dụng bảo đảm cho toàn bộ nghĩa vụ nợ của Khách hàng tại Techcombank;
- Số dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2021 là 228.968.069 đồng. Trong đó, khoản vay đến hạn trả trong vòng 12 tháng là 228.968.069 đồng

➢ **Hàng tồn kho**

Bảng 7: Hàng tồn kho của Công ty giai đoạn 31/12/2020 – 31/12/2021

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2020	31/12/2021
1	Nguyên vật liệu	845	7.276
2	Công cụ, dụng cụ	-	-

STT	Chỉ tiêu	31/12/2020	31/12/2021
3	Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	53.942	105.691
4	Hàng hóa	-	-
	TỔNG	**54.787**	**112.967**

(Nguồn: BCTC đã được kiểm toán năm 2020, 2021 của Công ty)

➢ **Tình hình công nợ**

Bảng 8. Các khoản phải thu giai đoạn 2020 – 2021

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	31/12/2020	31/12/2021
I	**Các khoản phải thu ngắn hạn**	**55.920**	**86.676**
1	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	42.247	83.004
2	Trả trước cho người bán ngắn hạn	8.937	3.701
3	Phải thu ngắn hạn khác	4.749	75
4	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(14)	(104)
II	**Các khoản phải thu dài hạn**	**114**	**114**
1	Ký cược, ký quỹ	114	114
	Tổng cộng	**56.034**	**86.790**

(Nguồn: BCTC đã được kiểm toán năm 2020, 2021 của Công ty)

Bảng 9. Các khoản phải trả giai đoạn 2020 – 2021

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	31/12/2020	31/12/2021
I	**Nợ ngắn hạn**	**91.980**	**180.013**
1	Phải trả người bán ngắn hạn	26.796	37.759
2	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	17.032	31.540
3	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	-	103
4	Phải trả người lao động	-	845
5	Chi phí phải trả ngắn hạn	160	254
6	Phải trả ngắn hạn khác	69	19.371
7	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	47.923	90.140
8	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
II	**Nợ dài hạn**	**1.711**	**1.244**
1	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	1.711	1.244
	Tổng cộng	**93.691**	**181.257**

(Nguồn: BCTC đã được kiểm toán năm 2020, 2021 của Công ty)

11.2. Các chỉ số tài chính

Bảng 10.Các chỉ tiêu tài chính của công ty giai đoạn 2020-2021

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2020	Năm 2021
1. Khả năng thanh toán			
- Hệ số thanh toán ngắn hạn *(Tại thời điểm 31/12)* (Tài sản lưu động/Nợ ngắn hạn)	Lần	1,26	1,15
- Hệ số thanh toán nhanh *(Tại thời điểm 31/12)* [(Tài sản lưu động - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn]	Lần	0,66	0,52
2. Cơ cấu vốn			
- Hệ số Nợ/Tổng tài sản *(Tại thời điểm 31/12)*	Lần	0,73	0,84
- Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu *(Tại thời điểm 31/12)*	Lần	2,68	1,29
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
- Vòng quay hàng tồn kho (Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân)	Vòng	3,30	2,21
- Vòng quay Tổng tài sản (Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân)	Vòng	1,65	1,17
4. Khả năng sinh lời			
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	0,1	0,24
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	0,74	1,36
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	0,21	0,28
- Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/DTT	%	1,07	2,59

(Nguồn: BCTC đã được kiểm toán năm 2021 của Công ty)

12. Tài sản

Bảng 11. Tình hình tài sản cố định của Công ty tại thời điểm 31/12/2021

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Tỷ lệ giá trị còn lại/ Nguyên giá (%)
Tài sản cố định hữu hình	**10.829**	**7.106**	**65,62%**
Máy móc thiết bị	3.978	2.806	70,54%
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6.759	4.247	62,83%
TSCĐ dùng trong quản lý	92	53	57,61%
Tài sản cố định vô hình	**2.823**	**2.698**	**95,57%**
Quyền sử dụng đất (*)	2.823	2.698	**95,57%**
Tổng cộng	**13.652**	**9.804**	**71,81%**

(Nguồn: BCTC đã được kiểm toán năm 2021)

(*) Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ vô hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 2.698.224.888 đồng.

Thông tin chi tiết về Quyền sử dụng đất:

- Địa chỉ thửa đất: Thửa đất số 27 tại xóm Kẻ Chay, thôn Đông Tiến, xã Tân Tiến, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội;

- Diện tích: 1.923m2

- Mục đích sử dụng đất: Đất ở + vườn. Tuy nhiên đến thời điểm 31/12/2020, lô đất này vẫn chưa được Công ty sử dụng.

- Thời gian sử dụng đất: 300m2 đất ở: Lâu dài; 1.623m2 đất vườn: đến tháng 8/2059;

- Ngày nhận chuyển nhượng: 25/07/2019.

12.1. Tài sản dở dang: Không có

12.2. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang

(Đơn vị: triệu đồng)

Chi tiết	31/12/2020	31/12/2021
Công trình Trung tâm Hành chính Thanh Hóa	4.154	613
Công trình Hầm CT01 Vincity Gia Lâm	1.887	-
Công trình Tòa P3 - Vincity Gia Lâm	1.792	-
Công trình Khách sạn Nacimex Nam Định	2.256	2.294
Công trình Mê Linh Plaza Thanh Hóa	17.078	15.669
Công trình Biệt thự The Point	2.655	1.910
Công trình Tòa L2 – Quận 9	10.818	-
Công trình Kho thuốc Intimex Quang Minh	2.316	4.137
Công trình Berriver Long Biên N02	-	10.522
Công trình Berriver N04	-	7.577
Công trình Hạ tầng Me A1-A6 Vinhomes	-	7.713
Grand Park Quận 9	-	-
Công trình Hạ tầng Gia Lâm	-	12.853
Hầm F3 CH01 VH Smart City	-	7.875
Công trình khác	10.985	34.529
Tổng cộng		**105.691**

13. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo

Bảng 12. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức giai đoạn 2022

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2021	Năm 2022	
		Kế hoạch	Tăng/giảm so với năm 2021 (%)
Doanh thu thuần (Triệu đồng)	202.051	210.000	3,9%
Vốn điều lệ (Triệu đồng)	30.000	30.000	0
Lợi nhuận sau thuế (Triệu đồng)	479	1.900	396%
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (%)	0,24%	0,9%	
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ (%)	1,59%	6,3%	

Cổ tức (%)	0	0	

(Nguồn: Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2022 số 220420/NQ-ĐHĐCĐTN-2022 ngày 20/04/2022)

Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức của Công ty được lập căn cứ các điều kiện sau:

Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức của Công ty được lập căn cứ vào dự đoán và ước tính dựa trên các thông tin giả định tại thời điểm lập kế hoạch. Các ước tính này có thể được điều chỉnh khi tình hình thực tế có nhiều thay đổi.

Năm 2022, chủ đầu tư lớn nhất của Công ty là Vingroup Công ty đã hoàn thành việc ký hợp đồng thực hiện Thi công M&E tòa S15.05 lô B2 phân khu 3 Dự án Vinhomes Grand Park giá trị 122 tỷ, bắt đầu thi công từ 08/07/2022, dự kiến kế thúc 09/09/2023. Thi công hạ tầng – Phần ME – Tuyến đường chính – Dự án KĐT Bắc Luân Móng Cái giá trị 88 tỷ, bắt đầu thi công từ T3/2022, kế thúc tháng 8/2023. Thi công M&E tuyến đường phục vụ bán hàng - Dự án Vinhomes Đại An giá trị 45 tỷ, thi công từ T4/2022 đến T12/2022, Thi công hệ thống M&E tòaok R17 PK1(Hokkaido) - Dự án Vinhomes Ocean Park, giá trị 65 tỷ, thi công từ T10.2022 đến T12/2023.

Công ty đã chuẩn bị sẵn các nguồn lực cần thiết như con người, nguồn vốn để khởi động các dự án mới, nhằm đạt mục tiêu doanh thu và lợi nhuận trong năm 2022. Do đó, Doanh thu thuần 9 tháng đầu năm của Công là khoảng 180 tỷ; đạt 85,71% doanh thu Kế hoạch năm 2022. Lợi nhuận sau thuế đạt 0.5 tỷ, đạt 40% kế hoạch Lợi nhuận năm 2022. Dự kiến, đến hết tháng 12/2022, Công ty sẽ ghi nhận doanh thu thuần là 230 tỷ, đạt 109,52% doanh thu Kế hoạch năm 2022. Cụ thể, trong Quý IV/2022, Công ty đã hoàn thành một số công trình, dự án trọng điểm góp phần đem lại nguồn doanh thu lớn như dự án Tòa S15.05 quận 9, Hầm B2 PK3 quận 9, Dự án Bắc Luân Móng Cái và dự án bến Tàu cảng ở Nha Trang. Bên cạnh đó, Lợi nhuận sau thuế năm 2022 dự kiến đạt 1,9 tỷ đồng, đạt 100% kế hoạch đề ra năm 2022.

➢ **Giải pháp thực hiện kế hoạch**

▪ **Giải pháp về quản lý tài chính**

Việc thực hiện đăng ký giao dịch chứng khoán cũng là một trong những giải pháp nhằm chuẩn hóa và minh bạch hóa công tác quản lý tài chính, thay vì việc các thông tin tài chính kế toán phụ thuộc duy nhất vào phòng kế toán như trước đây, sau khi trở thành công ty đại chúng, các thông tin này sẽ được kiểm duyệt, đóng góp ý kiến của Ban Kiểm soát, công ty kiểm toán cũng như nhà đầu tư, qua đó có cái nhìn khách quan, đa chiều về thực trạng tài chính, đồng thời đưa ra các giải pháp tối ưu nhằm nâng cao hiệu quả doanh nghiệp;

▪ **Giải pháp về tổ chức, quản lý**

- Hoàn thiện, củng cố công tác tổ chức và hoạt động của Công ty với mô hình Công ty Cổ phần, nâng cao trách nhiệm và tính chủ động của cán bộ công nhân viên, đảm bảo sự phát triển ổn định bền vững, lâu dài.
- Duy trì, nâng cao hệ thống quản lý chất lượng hiện có phù hợp yêu cầu về sản phẩm

- dịch vụ và chất lượng sản phẩm dịch vụ.

▪ **Giải pháp về phát triển nguồn nhân lực**

- Xác định rõ những yêu cầu về trình độ của người lao động đối với tất cả các công việc, tạo thuận lợi cho việc tuyển chọn cũng như đào tạo lại, tổ chức đào tạo nâng cao tay nghề và năng lực hàng năm cho công nhân viên cũng như tổ chức đào tạo lớp kế cận cho đội ngũ lãnh đạo của Công ty.

- Đào tạo về cán bộ quản lý cấp trung với nội dung chủ yếu là các kỹ năng hoạch định; tổ chức, quản lý, kiểm soát công việc hiệu quả, công tác chỉ huy triển khai và kiểm soát việc thực hiện kế hoạch... kỹ năng quản lý con người trong thi công công trình.

- Đào tạo cán bộ kỹ thuật: Kỹ năng quản lý chất lượng trong thi công công trình, quản lý kỹ thuật tốt, nâng cao khả năng nghiên cứu phát triển kỹ thuật, áp dụng kỹ thuật mới, nâng cao ngoại ngữ để đáp ứng nhu cầu giao tiếp làm việc với khách hàng nước ngoài.... chú trọng đội ngũ nghiên cứu thiết kế.

Đào tạo đội ngũ cán bộ, nhân viên thị trường: Kỹ năng đánh giá khách hàng, kỹ năng phát triển thị trường, công tác marketing....

14. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Công ty (thông tin về trái phiếu chuyển đổi, cam kết bảo lãnh, cam kết vay, cho vay...).

Không có

15. Chiến lược, định hướng phát triển sản xuất kinh doanh.

Công ty đã xây dựng uy tín, khẳng định thương hiệu và năng lực thi công có thể đảm nhiệm những dự án có quy mô lớn và đa djang. Với những kinh nghiệm và thành tự đã đạt được trong những năm qua, Công ty quyết tâm giữ vững ổn định và phát triển bền vững trong những năm tiếp theo, kế hoạch định hứng cụ thể như sau:

- Tập trung nguồn lực về tài chính và nhân sự vào lĩnh vực kinh doanh cốt lõi, tổ chức quản lý sản xuả sao cho gọn nhẹ để giảm chi phí, phản ứng linh hoạt đối phó với các biến động thi trường, luôn giữ vững hình ảnh chuyên nghiệp có uy tín trên thị trường.
- Nâng cao năng lực thi công, tăng cường hợp tác với các đối tác khác có thế mạnh để tạo ra những sản phẩm và dịch vụ xây dựng mới để có sức cạnh tranh cao hơn và sản phẩm đa dạng hơn nhằm giảm thiểu rủi ro trong kinh doanh;
- Tập trung chỉ đạo điều hành thi công đảm bảo an toàn, đúng tiến độ, chất lượng, đáp ứng đầy đủ các điều kiện chất lượng tiến động theo hợp đồng đã ký với khách hàng;
- Thường xuyên rà soát, phân loại các công trình để có những giải pháp kịp thời chỉ đạo và thực hiện công tác quyết toán, thu hồi vốn, tổ chức bộ phần làm hồ sơ thanh quyết

toán chuyên nghiệp, bám sát tiến độ thi công và chủ đầu tư để thực hiện thi công đến đâu hồ sơ được xác nhận nghiệm thu đến đó đảm bảo cân đối được tài chính trong quá trình thi công, từ đó giảm được các khoản vay ngân hàng, không để phát sinh nợ phải thu khó đòi của những dự án mới thực hiện;

- Tập trung chuẩn hóa hệ thống quy trình nghiệp cụ của Công ty phì hợp với tình hình hoạt động kinh doanh và quy định của pháp luật để nâng cao công tác quản trị công ty đồng thời nâng cao vai trò quản trị và kiểm soát rủi ro trong doanh nghiệp.

16. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty (nếu có).

Không có.

III. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị

STT	Họ và Tên	Chức vụ	Điều hành/Không điều hành
1	Nguyễn Thế Tôn	Chủ tịch HĐQT	Điều hành
2	Phạm Minh Tiến	Thành viên HĐQT	Điều hành
3	Phạm Đức Văn	Thành viên HĐQT	Điều hành
4	Nguyễn Đức Việt	Thành viên HĐQT	Không điều hành

1.1. Chủ tịch Hội đồng quản trị

Họ và Tên	:	**NGUYỄN THẾ TÔN**
Giới tính	:	Nam
Ngày tháng năm sinh	:	03/02/1985
Số CMND	:	001085036815 cấp ngày 25/04/2021 tại Cục cảnh sát QLHC về TTXH
Quốc tịch	:	Việt Nam
Dân tộc	:	Kinh
Địa chỉ liên hệ	:	Tập thể XD 34, xã Tân Triều, huyện Thanh Trì, Hà Nội
Trình độ văn hóa	:	12/12
Trình độ chuyên môn	:	Cao đẳng – Kỹ sư xây dựng
Quá trình công tác	:	
Từ 2008 – 2009	:	Kỹ sư Công ty Xây dựng Sông Đà 4
Từ 2009 – tháng 6/2021		Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn TDI
Từ tháng 6/2021 - nay		Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn TDI
Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty	:	Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám Đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn TDI
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	:	Không có
Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Công ty đại chúng:	:	- Sở hữu cá nhân: 2.000.000 cổ phần, chiếm 66,67% tổng số vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Tập đoàn TDI - Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% tổng số cổ phần của Công ty Cổ phần Tập đoàn TDI - Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phần, chiếm 0% tổng số cổ phần của Công ty Cổ phần Tập đoàn TDI
Các khoản nợ với Công ty đại chúng	:	Không có
Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty đại	:	Theo quyết định của ĐHĐCĐ hàng năm

chúng

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : Không có

1.2. Thành viên Hội đồng quản trị

Họ và Tên	:	**PHẠM MINH TIẾN**
Giới tính	:	Nam
Ngày tháng năm sinh	:	15/06/1989
Số CMND	:	030089000918 cấp ngày 29/01/2016 tại Cục cảnh sát ĐKQLCT và DLQG về Dân cư
Quốc tịch	:	Việt Nam
Dân tộc	:	Kinh
Địa chỉ liên hệ	:	Xã Hoàng Diệu, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương
Trình độ văn hóa	:	12/12
Trình độ chuyên môn	:	Đại học – Kỹ sư điện
Quá trình công tác	:	
Từ 2012 – 2012	:	Nhân viên kĩ thuật Công ty TNHH Ogino Việt Nam
Từ 2012 – 2012		Nhân viên kĩ thuật Công ty TNHH Công nghiệp Brother Việt Nam
Từ 2013 – 2014	:	Phó phòng tự động hóa Công ty cổ phần G.E.C
Từ 2014 – nay	:	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty Công ty Cổ phần Tập đoàn TDI
Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty	:	Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó tổng Giám đốc
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	:	Không có
Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Công ty đại chúng:	:	- Sở hữu cá nhân: 50.000 cổ phần, chiếm 1,67% tổng số vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Tập đoàn TDI - Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% tổng số cổ phần của Công ty Cổ phần Tập đoàn TDI - Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phần, chiếm 0% tổng số cổ phần của Công ty Cổ phần Tập đoàn TDI
Các khoản nợ với Công ty đại chúng	:	Không có
Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty đại chúng	:	Theo quyết định của ĐHĐCĐ hàng năm
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	:	Không có

1.3. Thành viên Hội đồng quản trị

Họ và Tên	:	**PHẠM ĐỨC VĂN**
Giới tính	:	Nam
Ngày tháng năm sinh	:	20/04/1974
Số CMND	:	141669122 cấp ngày 18/09/2007
Quốc tịch	:	Việt Nam
Dân tộc	:	Kinh
Địa chỉ liên hệ	:	Số 3, Ngõ 3, Ngô Gia Khảm, Yết Kiêu, Hà Đông, Hà Nội
Trình độ văn hóa	:	12/12
Trình độ chuyên môn	:	Kỹ sư máy
Quá trình công tác	:	
Từ 1993 – 2001	:	Kĩ sư vận hành máy Công ty Xây dựng Sông Đà 4
Từ 2002 – 2006	:	Kĩ sư vận hành máy Công ty Xây dựng Sông Đà 6
Từ 2006 – 2015	:	Kĩ sư vận hành máy Công ty TNHH MTV Sông Đà 11 Thăng Long
Từ 2016 - nay	:	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám Đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn TDI
Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty	:	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn TDI
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	:	Không có
Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Công ty đại chúng:	:	- Sở hữu cá nhân: 50.000 cổ phần, chiếm 1,67% tổng số vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Tập đoàn TDI - Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% tổng số cổ phần của Công ty Cổ phần Tập đoàn TDI - Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phần, chiếm 0% tổng số cổ phần của Công ty Cổ phần Tập đoàn TDI
Các khoản nợ với Công ty đại chúng	:	Không có
Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty đại chúng	:	Theo quyết định của ĐHĐCĐ hàng năm.
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	:	Không có

1.4. Thành viên Hội đồng quản trị

Họ và Tên	:	**NGUYỄN ĐỨC VIỆT**
Giới tính	:	Nam
Ngày tháng năm sinh	:	03/07/1981
Số CMND	:	012266799 cấp ngày 31/12/2010
Quốc tịch	:	Việt Nam

Dân tộc	:	Kinh
Địa chỉ liên hệ	:	Tập thể XD34, Tân Triều, Thanh Trì, Hà Nội
Trình độ văn hóa	:	12/12
Trình độ chuyên môn	:	Cử nhân vận hành máy tàu biển
Quá trình công tác	:	
Từ 2017 – nay	:	Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Tập đoàn TDI
Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty	:	Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Tập đoàn TDI
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	:	Không có
Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Công ty đại chúng:	:	- Sở hữu cá nhân: 10.000 cổ phần, chiếm 0,33% tổng số cổ phần của Công ty Cổ phần Tập đoàn TDI - Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% tổng số cổ phần của Công ty Cổ phần Tập đoàn TDI - Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phần, chiếm 0% tổng số cổ phần của Công ty Cổ phần Tập đoàn TDI
Các khoản nợ với Công ty đại chúng	:	Không có
Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty đại chúng	:	Theo quyết định của ĐHĐCĐ hàng năm.
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	:	Không có

2. Ban Tổng Giám đốc

STT	Họ và Tên	Chức vụ
1	Nguyễn Thế Tôn	Tổng Giám đốc
2	Vũ Duy Quyền	Phó Tổng Giám đốc
3	Phạm Minh Tiến	Phó Tổng Giám đốc
4	Chu Thị Hằng Nhung	Phó Tổng Giám đốc

➢ **Ông Nguyễn Thế Tôn - Tổng Giám đốc**

(Xem thông tin trong phần lý lịch thành viên Hội đồng quản trị)

➢ **Ông Phạm Minh Tiến - Phó Tổng Giám đốc**

(Xem thông tin trong phần lý lịch thành viên Hội đồng quản trị)

2.1 Thành viên Ban Tổng giám đốc

Họ và Tên	:	**VŨ DUY QUYỀN**
Giới tính	:	Nam
Ngày tháng năm sinh	:	03/07/1989
Số CMND	:	035089001375 cấp ngày 18/012017

Quốc tịch	:	Việt Nam
Dân tộc	:	Kinh
Địa chỉ liên hệ	:	Hoàng Tây, Kim Bảng, Hà Nam
Trình độ văn hóa	:	12/12
Trình độ chuyên môn	:	Kỹ sư điện
Quá trình công tác	:	
Từ 2014 – tháng 6/2021	:	Chỉ huy trưởng Công ty Cổ phần Tập đoàn TDI
Từ tháng 6/2021 - nay		Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn TDI
Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty	:	Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn TDI
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	:	Không có
Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Công ty đại chúng:	:	- Sở hữu cá nhân: 50.000 cổ phần, chiếm 1,67% tổng số cổ phần của Công ty Cổ phần Tập đoàn TDI - Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% tổng số cổ phần của Công ty Cổ phần Tập đoàn TDI - Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phần, chiếm 0% tổng số cổ phần của Công ty Cổ phần Tập đoàn TDI
Các khoản nợ với Công ty đại chúng	:	Không có
Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty đại chúng	:	Theo quyết định của ĐHĐCĐ hàng năm.
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	:	Không có

2.2 Thành viên Ban Tổng giám đốc

Họ và Tên	:	**CHU THỊ HẰNG NHUNG**
Giới tính	:	Nữ
Ngày tháng năm sinh	:	14/06/1994
Số CMND	:	026194001766 cấp ngày 06/09/2017
Quốc tịch	:	Việt Nam
Dân tộc	:	Kinh
Địa chỉ liên hệ	:	Xã Ngũ Kiên, huyện Vĩnh Tường, Vĩnh Phúc
Trình độ văn hóa	:	12/12
Trình độ chuyên môn	:	Cử nhân Kế toán
Quá trình công tác	:	
Từ 2016 – tháng 6/2021	:	Kế toán Công ty Cổ phần Tập đoàn TDI
Từ tháng 6/2021 – nay		Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn TDI

Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty	:	Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn TDI
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	:	Không có
Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Công ty đại chúng:	:	- Sở hữu cá nhân: 17.000 cổ phần, chiếm 0,57% tổng số cổ phần của Công ty Cổ phần Tập đoàn TDI - Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% tổng số cổ phần của Công ty Cổ phần Tập đoàn TDI - Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phần, chiếm 0% tổng số cổ phần của Công ty Cổ phần Tập đoàn TDI
Các khoản nợ với Công ty đại chúng	:	Không có
Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty đại chúng	:	Theo quyết định của ĐHĐCĐ hàng năm.
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	:	Không có

3. Ban Kiểm soát và Kế toán trưởng

STT	Họ và Tên	Chức vụ
1	Bùi Thị Thủy	Trưởng ban Kiểm soát
2	Lê Văn Thiệu	Kiểm soát viên
3	Đỗ Thị Duyên	Kiểm soát viên
4	Ngô Thị Hà	Kế toán trưởng

3.1. Trưởng Ban Kiểm soát

Họ và Tên	:	**Bùi Thị Thủy**
Giới tính	:	Nữ
Ngày tháng năm sinh	:	23/11/1988
Số CCCD	:	037188006051 cấp ngày 10/04/2021
Quốc tịch	:	Việt Nam
Dân tộc	:	Kinh
Địa chỉ liên hệ	:	TDP Quang Minh, phường Dương Nội, quận Hà Đông, Hà Nội
Trình độ văn hóa	:	12/12
Trình độ chuyên môn	:	Cao đẳng - Kỹ thuật Cấp thoát nước
Quá trình công tác	:	
Từ 2011 - 2015	:	Nhân viên thiết kế tại Công ty cổ phần tư vấn xây dựng ICT
Từ 2016 - 2018	:	Nhân viên dự án tại Công ty cổ phần xây dựng Nam Thành Đô

Từ 2019 – tháng 6/2021	:	Nhân viên phòng thanh quyết toán tại Công ty Cổ phần Tập đoàn TDI
Từ tháng 6/2021 - nay	:	Trưởng Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Tập đoàn TDI
Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty	:	Trưởng Ban Kiểm soát Công ty Công ty Cổ phần Tập đoàn TDI
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	:	Không có
Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Công ty đại chúng:	:	- Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm % tổng số vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Tập đoàn TDI - Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% tổng số cổ phần của Công ty Cổ phần Tập đoàn TDI - Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phần, chiếm 0% tổng số cổ phần của Công ty Cổ phần Tập đoàn TDI
Các khoản nợ với Công ty đại chúng	:	Không có
Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty đại chúng	:	Theo quyết định của ĐHĐCĐ hàng năm.
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	:	Không có

3.2. Thành viên Ban Kiểm soát

Họ và Tên	:	**LÊ VĂN THIỆU**
Giới tính	:	Nam
Ngày tháng năm sinh	:	20/07/1993
Số CMND	:	135661141 cấp ngày 04/12/2009
Quốc tịch	:	Việt Nam
Dân tộc	:	Kinh
Địa chỉ liên hệ	:	Thị trấn Thổ Tang, Vĩnh Tường, Vĩnh Phúc
Trình độ văn hóa	:	12/12
Trình độ chuyên môn	:	Đại học – Kinh tế xây dựng
Quá trình công tác	:	
Từ 2016 – nay	:	Thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Tập đoàn TDI
Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty	:	Thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Tập đoàn TDI
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	:	Không có
Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Công ty đại	:	- Sở hữu cá nhân: 30.000 cổ phần, chiếm 1,0% tổng số cổ phần của Công ty Cổ phần Tập đoàn TDI - Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% tổng số cổ

chúng:		phần của Công ty Cổ phần Tập đoàn TDI - Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phần, chiếm 0% tổng số cổ phần của Công ty Cổ phần Tập đoàn TDI
Các khoản nợ với Công ty đại chúng	:	Không có
Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty đại chúng	:	Theo quyết định của ĐHĐCĐ hàng năm.
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	:	Không có

3.3. Thành viên Ban Kiểm soát

Họ và Tên	:	**ĐỖ THỊ DUYÊN**
Giới tính	:	Nữ
Ngày tháng năm sinh	:	02/08/1987
Số CMND	:	038187008706 do Cục CS ĐKQLCT&DLQG về DC cấp ngày 13/04/2019
Quốc tịch	:	Việt Nam
Dân tộc	:	Kinh
Địa chỉ liên hệ	:	CH 1005- CT7D- KĐT mới Dương Nội, Dương Nội, Hà Đông, Hà Nội
Trình độ văn hóa	:	12/12
Trình độ chuyên môn	:	Cử nhân Kế toán
Quá trình công tác	:	
Từ 2018 – nay	:	Thành viên Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Tập đoàn TDI
Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty	:	Thành viên Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Tập đoàn TDI
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	:	Không có
Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Công ty đại chúng:	:	- Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm 0% tổng số cổ phần của Công ty Cổ phần Tập đoàn TDI - Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% tổng số cổ phần của Công ty Cổ phần Tập đoàn TDI - Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phần, chiếm 0% tổng số cổ phần của Công ty Cổ phần Tập đoàn TDI
Các khoản nợ với Công ty đại chúng	:	Không có
Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty đại chúng	:	Theo quyết định của ĐHĐCĐ hàng năm.

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	:	Không có

3.4. Kế toán trưởng

Họ và Tên	:	**NGÔ THỊ HÀ**
Giới tính	:	Nữ
Ngày tháng năm sinh	:	04/05/1991
Số CMND	:	163162152 cấp ngày 10/01/2009
Quốc tịch	:	Việt Nam
Dân tộc	:	Kinh
Địa chỉ liên hệ	:	xã Yên Bình, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định
Trình độ văn hóa	:	12/12
Trình độ chuyên môn	:	Cử nhân Kế toán
Quá trình công tác	:	
Từ 2014 – 2016	:	Công ty cổ phần tích hợp dịch vụ số
Từ 2016 – tháng 8/2021	:	Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Tập đoàn TDI
Từ tháng 4/2022 - nay	:	Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Tập đoàn TDI
Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty	:	Kế toán trưởng Công ty Công ty Cổ phần Tập đoàn TDI
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	:	Không có
Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Công ty đại chúng:	:	- Sở hữu cá nhân: 22.000 cổ phần, chiếm 0.73% tổng số cổ phần của Công ty Cổ phần Tập đoàn TDI - Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% tổng số cổ phần của Công ty Cổ phần Tập đoàn TDI - Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phần, chiếm 0% tổng số cổ phần của Công ty Cổ phần Tập đoàn TDI
Các khoản nợ với Công ty đại chúng	:	Không có
Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty đại chúng	:	Theo quyết định của ĐHĐCĐ hàng năm.
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	:	Không có

4. Kế hoạch tăng cường quản trị Công ty

Tháng 04/2021, Công ty đã tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 thông qua Điều lệ tổ chức và hoạt động tuân thủ Luật Doanh nghiệp và Điều lệ mẫu quy định tại Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi

tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Để tăng cường kế hoạch quản trị công ty, Công ty tiếp tục thực hiện rà soát lại toàn bộ bộ máy nhân sự, kiện toàn tổ chức, tái cấu trúc lại bộ máy quản lý, điều hành phù hợp với mô hình mới theo hướng tinh gọn; Tuyển nhân lực có đủ trình độ chuyên môn, năng lực, nhiệt tình công tác phù hợp theo ngành nghề Công ty đã, đang và sẽ hoạt động, đặc biệt trẻ hóa lực lượng lao động có kết hợp với một số cán bộ, nhân viên có trình độ, có năng lực công tác, kinh nghiệm làm việc. Công ty có kế hoạch tiến hành rà soát; xây dựng các quy chế, quy định đảm bảo tuân thủ theo hướng dẫn tại Nghị định hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng, cụ thể:

- Tiếp tục hoàn thiện các quy chế quản lý nhằm tăng cường hiệu lực hoạt động của bộ máy, nâng cao tính chủ động, tự chịu trách nhiệm của các đơn vị: Quy chế quản trị nội bộ công ty; Quy chế tổ chức và hoạt động của HĐQT; Các quy chế và quy định nội bộ khác;
- Đổi mới phương thức quản trị doanh nghiệp theo hướng phân quyền cụ thể cho từng cấp quản trị, gắn trách nhiệm với quyền lợi theo hướng đạt hiệu quả cao thì được hưởng lương cao, được đề bạt giữ trọng trách cao hơn trong bộ máy quản lý và ngược lại có biện pháp xử lý khi thực thi công việc không hiệu quả hoặc không đạt kế hoạch được giao;
- Đảm bảo đời sống vật chất và tinh thần cho CBNV. Chính sách lương, thưởng đảm bảo công bằng, công khai, gắn với hiệu quả và chất lượng làm việc nhằm tạo động lực để CBNV phát huy sáng tạo trong công việc;
- Tiếp tục thực hiện việc cơ cấu tổ chức để tuân thủ quy định hiện hành về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;
- Thực hiện nghiêm túc Điều lệ và các quy định theo quy định tại Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014, Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và các văn bản hướng dẫn thi hành khi trở thành công ty đại chúng;
- Tiếp tục hoàn thiện các chính sách đối với người lao động nhằm thu hút nhân tài;
- Tuân thủ các quy định của pháp luật về công bố thông tin.

5. Danh sách người nội bộ và người có liên quan:

TT	Tên cá nhân/tổ chức	Số CMND/Hộ chiếu (đối với cá nhân) hoặc Số GCN ĐKDN, GPHĐ hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức)			Cổ phần nắm giữ		Mối quan hệ/Chức vụ
		Số CMND/Hộ chiếu/ĐKDN	Ngày cấp	Nơi cấp	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ của Công ty	
1	**Nguyễn Thế Tôn**	**012266891**	**26/03/2012**	**Hà Nội**	**2.000.000**	**66,67%**	**Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc**
1.1	Nguyễn Thế Điềm	(đã mất)		Hà Nội	0	0%	Cha đẻ
1.2	Nguyễn Thị Quý	010026547	04/09/1999	Hà Nội	0	0%	Mẹ đẻ
1.3	Nguyễn Thị Hiền	026186002020	15/11/2016	Hà Nội	0	0%	Vợ
1.4	Nguyễn Thế Khiêm	001080013981	04/08/2016	Hà Nội	0	0%	Anh trai
1.5	Nguyễn Khiêm Tốn	001082003758	09/09/2014	Hà Nội	0	0%	Anh trai
1.6	Nguyễn Thị Loan	001183008837	16/07/2015	Hà Nội	0	0%	Chị dâu
1.7	Nguyễn Thị Thơm	036188005020	22/05/2018	Hà Nội	0	0%	Chị dâu
1.8	Nguyễn Thế Quyền Năng	Chưa đủ tuổi cấp CMND			0	0%	Con trai
1.9	Nguyễn Khánh Sương	Chưa đủ tuổi cấp CMND			0	0%	Con gái
2	**Phạm Đức Văn**	**141669122**	**18/09/2007**	**Hải Dương**	**50.000**	**1,67%**	**Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc**
2.1	Phạm Đức Nở	030033000361	04/10/2019	Cục cảnh sát QLHC về TTXH	0	0%	Cha đẻ
2.2	Nguyễn Thị Thái	03013600066	04/10/2019	Cục cảnh sát QLHC về TTXH	0	0%	Mẹ đẻ
2.3	Phạm Thị Bình	113389145	14/08/2006	C.A Hòa Bình	0	0%	Chị gái
2.4	Nguyễn Đức Đang	142841182	20/09/2011	C.A Hải Dương	0	0%	Anh rể

TT	Tên cá nhân/tổ chức	Số CMND/Hộ chiếu (đối với cá nhân) hoặc Số GCN ĐKDN, GPHĐ hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức)			Cổ phần nắm giữ		Mối quan hệ/Chức vụ
		Số CMND/Hộ chiếu/ĐKDN	Ngày cấp	Nơi cấp	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ của Công ty	
2.5	Phạm Đức Đại	030061000470	01/02/2016	Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư	0	0%	Anh trai
2.6	Phạm Thị Quyết	031158004954	28/09/2018	Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư	0	0%	Chị dâu
2.7	Phạm Đức Khu	03003004383	29/08/2018	Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư	0	0%	Anh trai
2.8	Phạm Thị Nhài	022174000650	20/05/2016	Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư	0	0%	Chị dâu
2.9	Phạm Thị Khánh	030168003423	09/05/2018	Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư	0	0%	Chị gái
2.10	Trần Văn Nhẫn	030063002773	24/08/2017	Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư	0	0%	Anh rể
2.11	Phạm Tùng Lâm	Chưa đủ tuổi cấp CMND			0	0%	Con trai
2.12	Phạm Nhật Vượng	Chưa đủ tuổi cấp CMND			0	0%	Con trai
3	**Phạm Minh Tiến**	**030089000918**	**29/01/2016**	**Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư**	**50.000**	**0%**	**Thành viên HĐQT kiêm Phó tổng giám đốc**
3.1	Phạm Duy Hà	030065001515	19/09/2016	Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư	0	0%	Bố đẻ
3.2	Nguyễn Thị Hòe	141053888	07/11/2012	CA Hải Dương	0	0%	Mẹ đẻ
3.3	Phạm Thị Lan Phương	030193004165	27/09/2019	Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư	0	0%	Em gái

TT	Tên cá nhân/tổ chức	Số CMND/Hộ chiếu (đối với cá nhân) hoặc Số GCN ĐKDN, GPHĐ hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức)			Cổ phần nắm giữ		Mối quan hệ/Chức vụ
		Số CMND/Hộ chiếu/ĐKDN	Ngày cấp	Nơi cấp	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ của Công ty	
3.4	Dương Công Thành	038093008713	06/02/2018	Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư	0	0%	Em rể
4	**Nguyễn Đức Việt**	**012266799**	**31/12/2010**	**Hà Nội**	**10.000**	**0,33%**	**Phó Tổng Giám đốc**
4.1	Kiều Thi Ảnh	001158022697	16/04/2021	Cục cảnh sát QLHC về trật tự xã hội	0	0%	Vợ
4.2	Nguyễn Thị Hải	001192023495	16/04/2021	Cục cảnh sát QLHC về trật tự xã hội	0	0%	Mẹ đẻ
4.3	Nguyễn Thị Oanh	001179023985	14/10/2019	Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư	0	0%	Chị gái
4.4	Nguyễn Đức Vinh	001084041558	16/04/2021	Cục cảnh sát QLHC về trật tự xã hội	0	0%	Em trai
4.5	Nguyễn Bảo Quyên	Chưa đủ tuổi cấp CMND			0	0%	Con
4.6	Nguyễn Quốc Lập	Chưa đủ tuổi cấp CMND			0	0%	Con
4.7	Nguyễn Văn Minh Nhật	Chưa đủ tuổi cấp CMND			0	0%	Con
5	**Bùi Thị Thủy**	**037188006051**	**10/04/2021**	**Cục cảnh sát QLHC về trật tự xã hội**	**0**	**0%**	**Trưởng Ban Kiểm soát**
5.1	Nguyễn Duy Tài	001087002102	25/04/2021	Cục cảnh sát QLHC về trật tự xã hội	0	0%	Chồng
5.2	Bùi Văn Vinh	037058002402	11/11/2019	Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư	0	0%	Bố đẻ
5.3	Nguyễn Thị Sinh	161275860	26/2/2009	Công an Ninh Bình	0	0%	Mẹ đẻ
5.4	Bùi Thị Xuân	164482602	27/12/2007	Công an Ninh Bình	0	0%	Em gái

TT	Tên cá nhân/tổ chức	Số CMND/Hộ chiếu (đối với cá nhân) hoặc Số GCN ĐKDN, GPHĐ hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức)			Cổ phần nắm giữ		Mối quan hệ/Chức vụ
		Số CMND/Hộ chiếu/ĐKDN	Ngày cấp	Nơi cấp	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ của Công ty	
5.5	Nguyễn Thị Bảo Châu	Chưa đủ tuổi cấp CMND			0	0%	Con
5.6	Nguyễn Đức Trường	Chưa đủ tuổi cấp CMND			0	0%	Con
6	**Lê Văn Thiệu**	**135661141**	**01/10/2009**	**C.A Vĩnh Phúc**	**30.000**	**1,0%**	**Thành viên Ban Kiểm soát**
6.1	Lê Văn Sơn	026067002240	20/05/2019	Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư	0	0%	Bố đẻ
6.2	Nguyễn Thị Tơ	135920067	26/05/2014	C.A Vĩnh Phúc	0	0%	Mẹ đẻ
6.3	Lê Văn Hiếu	135506015	19/07/2007	C.A Vĩnh Phúc	0	0%	Anh trai
6.4	Nguyễn Thị Mai	135582312	11/06/2008	C.A Vĩnh Phúc	0	0%	Chị dâu
7	**Đỗ Thị Duyên**	**038187008706**	**13/04/2019**	**Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư**	**0**	**0%**	**Thành viên Ban Kiểm soát**
7.1	Đỗ Viết Linh	171356965	22/09/2011	CA Thanh Hóa	0	0%	Bố đẻ
7.2	Dương Ngọc Thuận	038084008562	24/4/2021	Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư	0	0%	Chồng
7.3	Đỗ Thị Dung	038183033933	10/05/2021	CA Bình Thuận	0	0%	Chị gái
7.4	Đỗ Viết Tiên	173625290	30/05/2014	CA Thanh Hóa	0	0%	Em trai
7.5	Dương Minh Quang	Chưa đủ tuổi cấp CMND			0	0%	Con
7.6	Dương Minh Nhật	Chưa đủ tuổi cấp CMND			0	0%	Con
8	**Ngô Thị Hà**	**163162152**	**10/01/2009**	**Nam Định**	**0**	**0%**	**Kế toán trưởng**
8.1	Vũ Anh Thế	163216615	07/03/2019	CA.Nam Định	0	0%	Chồng
8.2	Ngô Thanh Tùng	163119652	23/05/2008	CA.Nam Định	0	0%	Bố đẻ

TT	Tên cá nhân/tổ chức	Số CMND/Hộ chiếu (đối với cá nhân) hoặc Số GCN ĐKDN, GPHĐ hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức)			Cổ phần nắm giữ		Mối quan hệ/Chức vụ
		Số CMND/Hộ chiếu/ĐKDN	Ngày cấp	Nơi cấp	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ của Công ty	
8.3	Ninh Thị Hiền	163052243	11/05/2007	CA.Nam Định	0	0%	Mẹ đẻ
8.4	Ngô Tiến Mạnh	091922490	09/07/2017	CA.Thái Nguyên	0	0%	Anh Trai
8.5	Ngô Thị Nguyệt	001186011579	29/07/2016	Cục CS ĐKQL CT&DLQG về DC	0	0%	Chị Dâu
8.6	Vũ Linh Đan	Chưa đủ tuổi cấp CMND			0	0%	Con
9	**Vũ Duy Quyền**	**035089001375**	**18/01/2017**	**Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư**	**50.000**	**1,67%**	**Phó Tổng Giám đốc**
9.1	Vũ Xuân Trượng	035058001312	22/02/2017	Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư	0	0%	Bố đẻ
9.2	Nguyễn Thị Nương	168268184	15/9/2005	CA tỉnh Hà Nam	0	0%	Mẹ đẻ
9.3	Nguyễn Thị Việt Chinh	026196000640	22/04/2016	Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư	0	0%	Vợ
9.4	Vũ Duy Tùng	035086004017	24/06/2021	Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội	0	0%	Anh trai
9.5	Vũ Thị Minh	035189003977	24/06/2021	Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội	0	0%	Chị dâu
9.6	Vũ Gia Hân	Chưa đủ tuổi cấp CMND			0	0%	Con
10	**Chu Thị Hằng Nhung**	**026194001766**	**26/09/2017**	**Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư**	**17.000**	**0,57%**	**Phó Tổng Giám đốc**

TT	Tên cá nhân/tổ chức	Số CMND/Hộ chiếu (đối với cá nhân) hoặc Số GCN ĐKDN, GPHĐ hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức)			Cổ phần nắm giữ		Mối quan hệ/Chức vụ
		Số CMND/Hộ chiếu/ĐKDN	Ngày cấp	Nơi cấp	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ của Công ty	
10.1	Nguyễn Đình Trọng	026094002977	22/03/2018	Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư	0	0%	Chồng
10.2	Lương Thị Tuyết	026170002725	06/05/2020	Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư	0	0%	Mẹ đẻ
10.3	Chu Thị Ngọc Huyền	135664764	09/09/2010	CA Vĩnh Phúc	0	0%	Em gái
10.4	Nguyễn Minh Anh	Chưa đủ tuổi cấp CMND			0	0%	Con

6. Thống kê các giao dịch giữa công ty với người có liên quan theo quy định ***(các giao dịch liên quan phát sinh trong năm và kỳ gần nhất)***

Đơn vị: Triệu đồng

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Xây dựng và Dịch vụ Kỹ thuật 247	Tổng Giám đốc là cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Vật tư Thiết bị Bách Khoa Việt Nam	Tổng Giám đốc là cổ đông lớn

Công ty có các giao dịch phát sinh trong năm và số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong năm

	Năm 2021	Năm 20220
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	**11.002.429.536**	**2.712.158.800**
Công ty Cổ phần Vật tư Thiết bị Bách khoa Việt Nam	6.276.355.179	2.712.158.800
Công ty Cổ phần Xây dựng và Kỹ thuật 247	4.726.074.357	-
Mua hàng	**16.531.883.873**	**19.791.081.504**
Công ty Cổ phần Vật tư Thiết bị Bách khoa Việt Nam	10.059.687.725	14.228.909.236
Công ty Cổ phần Xây dựng và Kỹ thuật 247	6.472.196.148	5.562.172.268

Số dư tại ngày kết thúc năm tài chính:

	Năm 2021	Năm 20220
Trả trước cho người bán	**-**	**5.931.178.173**
Công ty Cổ phần Vật tư Thiết bị Bách khoa Việt Nam	-	5.422.644.150
Công ty Cổ phần Xây dựng và Dịch vụ Kỹ thuật 247	-	508.534.023
Phải trả cho người bán	**3.912.199.947**	**-**
Công ty Cổ phần Xây dựng và Kỹ thuật 247	3.912.199.947	-

Người mua trả tiền trước ngắn hạn	**7.086.612.112**	**230.477.350**
Công ty Cổ phần Vật tư Thiết bị Bách khoa Việt Nam	7.086.612.112	230.477.350

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Chức danh	Năm 2021	Năm 20220
Phạm Minh Tiến	Chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	145.200.000	143.980.000
Nguyễn Thế Tôn	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	145.500.000	147.100.000
Phạm Đức Văn	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc ngày 01/06/2021)	109.800.000	167.480.000
Nguyễn Đức Việt	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc ngày 01/06/2021)	-	-
Vũ Duy Quyền	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 01/06/2021)	145.000.000	124.480.000
Chu Thị Hằng Nhung	Phó Tổng Giám đốc kiêm Trưởng Ban Kiểm soát (Bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc ngày 01/06/2021, miễn nhiệm Trưởng Ban Kiểm soát ngày 01/06/2021)	138.000.000	99.200.000
Bùi Thị Thủy	Trưởng Ban Kiểm soát (Bổ nhiệm Trưởng Ban Kiểm soát ngày 01/06/2021)	101.000.000	121.600.000
Lê Văn Thiệu	Thành viên Ban Kiểm soát	131.800.000	122.540.000
Đỗ Thị Duyên	Thành viên Ban Kiểm soát	93.100.000	122.540.000

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2021 của Công ty)

IV. PHỤ LỤC

1. **Phụ lục I:** Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp
2. **Phụ lục II:** Điều lệ Công ty
3. **Phụ lục III:** Công văn giới thiệu những văn bản pháp luật liên quan đến Công ty
4. **Phụ lục IV:** Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2021 của Công ty
5. **Phụ lục V:** Tài liệu khác

Hà Nội, ngày tháng năm 2022

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH
CTCP TẬP ĐOÀN TDI
CHỦ TỊCH HĐQT KIÊM TỔNG GIÁM ĐỐC

NGUYỄN THẾ TÔN

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN
CTCP CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

PHẠM NGỌC HIỆP